

Số: 20/2024/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 13 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục các khu dân cư thuộc khu vực
không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;
Căn cứ Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của
Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;
Căn cứ Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng
01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;
Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của
HĐND tỉnh quy định khu vực không được phép chăn nuôi và vùng nuôi chim yến
trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ
trình số 1962/TTr-SNN ngày 31 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định Danh mục các khu dân cư thuộc khu vực không
được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, bao gồm: các khu dân cư hiện
hữu thuộc khu vực không được phép chăn nuôi; khu dân cư trong quy hoạch thuộc
khu vực không được phép chăn nuôi trang trại.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chăn nuôi, hoạt động nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

b) Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc quản lý các hoạt động chăn nuôi, nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

c) Các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm có nuôi giữ vật nuôi chờ giết mổ không thuộc đối tượng điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Danh mục các khu dân cư thuộc khu vực không được phép chăn nuôi

1. Danh mục các khu dân cư hiện hữu thuộc khu vực không được phép chăn nuôi được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục các khu dân cư trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc khu vực không được phép chăn nuôi trang trại được quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2024.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, định kỳ rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) điều chỉnh, bổ sung, công bố Danh mục các khu dân cư thuộc khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn quản lý./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Công báo Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,**



Trần Văn Chiến

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC KHU DÂN CƯ HIỆN HỮU KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH
(Kèm theo Quyết định số.....20../2024/QĐ-UBND ngày...13.. tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
I	THỊ XÃ HÒA THÀNH: 21		
1	KDC Long Khương, đường Ngô Quyền	Ấp Long Khương, xã Long Thành Nam	Đường Ngô Quyền, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ngã tư Long Hải (GPS: 11.258073,106.131957). - Điểm cuối: ngã tư Trần Phú (GP: 11.258592,106.137830).
2	KDC Long Khương - Long Bình - Giang Tân, đường Tôn Đức Thắng	Ấp Long Khương, Long Bình, Giang Tân, xã Long Thành Nam	Đường Tôn Đức Thắng, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: ngã tư Long Hải (GPS: 11.258073,106.131957). - Điểm cuối: ngã ba Giang Tân (GPS: 11.243085,106.133206).
3	KDC Giang Tân - Long Khương, đường Nguyễn Chí Thanh và đường Trần Phú	Ấp Long Khương, Giang Tân, xã Long Thành Nam	Đường Nguyễn Chí Thanh, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ đường Ngô Quyền (GPS: 11.258274, 106.134280). - Điểm cuối: QL.22B (GPS: 11.241403,106.135741). Đường Trần Phú, tính từ mốc lộ giới, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đường Ngô Quyền, bên phải hướng ra QL.22B (GPS: 11.258592,106.137830) - Điểm cuối: ranh ấp Trường Huệ xã Trường Tây (đường số 17 Trần Phú), (GPS: 11.236864, 106.139714).
4	KDC chợ Long Yên	Ấp Long Yên, xã Long Thành Nam	Khu vực chợ Long Yên, trong phạm vi bán kính 100 mét (GPSTT: 11.251007,106.120261).
5	KDC Long Bình	Ấp Long Bình, xã Long Thành Nam	Khu vực chợ Long Bình, trong phạm vi bán kính 100 mét (GPSTT: 11.243060,106.132628) Đường Phạm Hùng hướng ra QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: giáp đường Nguyễn Văn Cừ (GPS: 11.259686,106.129303). - Điểm cuối: QL.22B (GPS: 11.245523,106.130466).
6	KDC Trường Huệ - Long Hải - Trường Giang, đường Trần Phú	Ấp Trường Huệ, Long Hải, Trường Giang, xã Trường Tây	Đường Trần Phú, tính từ mốc lộ giới, vô sâu bên phải 50 mét. - Điểm đầu: giao QL.22B (GPS: 11.2346423,106.1395091). - Điểm cuối: số 80 Trần Phú (giáp ranh phường Long Thành Bắc) (GPS:

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			11.273025,106.136670)
7	KDC Long Hải - Trường An, đường Ngô Quyền	Ấp Long Hải, Trường An, xã Trường Tây	Đường Ngô Quyền, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: giao đường Trần Phú (GPS: 11.2585734,106.1378441). - Điểm cuối: giao đường Hóc Trâm (GPS: 11.2596941,106.1537396).
8	KDC Trường Huệ, đường QL. 22B	Ấp Trường Huệ, xã Trường Tây	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới vô sâu bên phải 50 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba Trần Phú - QL.22B (GPS: 11.2346423,106.1395091). - Điểm cuối: ranh xã Long Thành Nam (GPS: 11.2409759,106.1363485).
9	KDC Trường Lộc - Trường Phước, đường Nguyễn Văn Linh	Ấp Trường Lộc, Trường Phước, xã Trường Tây	Đường Nguyễn Văn Linh, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đường 28 Nguyễn Văn Linh (giáp ranh Long Thành Bắc) (GPS: 11.280675,106.142291). - Điểm cuối: số 44 Nguyễn Văn Linh (giáp ranh Trường Hòa) (GPS: 11.276421,106.149472).
10	KDC Trường Lộc - Trường Giang - Trường Phước, đường Trịnh Phong Đáng	Ấp Trường Lộc, Trường Giang, Trường Phước, xã Trường Tây	Đường Trịnh Phong Đáng, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ số 14, Trịnh Phong Đáng (giáp ranh Long Thành Bắc) (GPS: 11.277219,106.140289). - Điểm cuối: số 36, Trịnh Phong Đáng (giáp ranh Trường Hòa) (GPS: 11.269452,106.149088).
11	KDC Trường Ân, đường QL.22B	Ấp Trường Ân, xã Trường Đông	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ bảng ranh giới thị xã Hòa Thành (GPS: 11.21323698,106.15064815). - Điểm cuối: cầu Rạch Rễ Dưới (cầu đôi) (GPS: 11.2211365,106.1483532).
12	KDC Trường Ân - Trường Đức - Trường Phú - Trường Lưu, đường Nguyễn Lương Bằng	Ấp Trường Ân, Trường Đức, Trường Phú và Trường Lưu, xã Trường Đông	Đường Nguyễn Lương Bằng, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba Thiên Thọ Lộ (GPS: 11.215323,106.150926). - Điểm cuối: ngã tư đèn xanh, đỏ UBND (GPS: 11.244410,106.171349).
13	KDC Trường Lưu - Năm Trại, đường Nguyễn Văn Linh	Ấp Trường Lưu, Năm Trại, xã Trường Đông	Đường Nguyễn Văn Linh, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét - Điểm đầu: từ Công ty Penro (GPS: 11.242225,106.173198). - Điểm cuối: đầu cầu Đoạn Trần (ao Thất Bửu) (GPS: 11.25302795,106.16562668).
14	KDC Trường Lưu	Ấp Trường Lưu, xã Trường Đông	Từ cổng văn hóa ấp Trường Lưu đến chợ Trường Lưu, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 200 m; khu vực xung quanh chợ Trường Lưu, trong phạm vi bán kính 200 mét. - Điểm đầu: từ cổng văn hóa ấp Trường Lưu (GPS:11.245972,106.170301). - Điểm cuối: chợ Trường lưu (GPS: 11.244204,106.167435).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
15	KDC Trường Thọ - Trường Thiện, đường Trường Hòa - Chà Là	Ấp Trường Thọ, Trường Thiện, xã Trường Hòa	Đường Trường Hòa - Chà Là, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: giáp đường Nguyễn Văn Linh (GPS: 11.274888,106.152998). - Điểm cuối: Sơn Trang Tiên Cảnh (GPS: 11.2953201,106.1697441).
16	KDC Trường Thọ - Trường Thiện - Trường Cửu, đường Nguyễn Văn Linh	Ấp Trường Thọ, Trường Thiện, Trường Cửu, xã Trường Hòa	Đường Nguyễn Văn Linh, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: ranh xã Trường Tây (GPS: 11.274888,106.152998). - Điểm cuối: giáp Trí Huệ Cung (GPS: 11.256202,106.1635846).
17	KDC Trường Thọ - Trường Thiện, đường Trịnh Phong Đáng	Ấp Trường Thọ, Trường Thiện, xã Trường Hòa	Đường Trịnh Phong Đáng, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: ranh xã Trường Tây (GPS: 11.271198,106.1461842). - Điểm cuối: đường Bàu Éch (GPS: 11.2684133,106.1507507).
18	KDC Trường Thiện, đường Bàu Éch	Ấp Trường Thiện, xã Trường Hòa	Đường Bàu Éch, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: giáp đường Nguyễn Văn Linh (GPS: 11.2732773,106.1543452). - Điểm cuối: đến ngã 3 đường Trịnh Phong Đáng (GPS: 11.2684133,106.1507507).
19	KDC Trường Cửu, đường Cầu Bà Mai	Ấp Trường Cửu, xã Trường Hòa	Đường Cầu Bà Mai, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ cây xăng Đắc Thi (GPS: 11.2682209,106.163347). - Điểm cuối: đến hẻm số 7 (GPS: 11.2703087,106.165619).
20	KDC Trường Xuân, đường Trường Xuân	Ấp Trường Xuân, xã Trường Hòa	Đường Trường Xuân, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đoạn giáp đường Nguyễn Văn Linh (GPS: 11.2571775,106.1653546). - Điểm cuối: đến nghĩa địa Trường Xuân (GPS: 11.2708647,106.178588).
21	KDC Trường Cửu - Trường Xuân, đường Trường Hoà	Ấp Trường Cửu, Trường Xuân, xã Trường Hòa	Đường Trường Hoà, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: giáp đường Nguyễn Văn Linh (GPS: 11.256202,106.1635846). - Điểm cuối: đến cầu ông Hồ (GPS: 11.2538494,106.1555582).
II	THỊ XÃ TRẮNG BÀNG: 19		
1	KDC Suối sâu, đường Suối Sâu - Bàu Mây - Tịnh Phong	Khu phố Suối sâu, phường An Tịnh	Đường Suối Sâu - Bàu Mây - Tịnh Phong, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ ngã tư chốt đèn đỏ (GPS: 11.0182300,106.4027122). - Điểm cuối: ngã tư giao nhau với đường Rừng Rong (GPS: 11.0240721,106.4004081).
2	KDC Suối Sâu - An Khương	Khu phố Suối Sâu, An Khương, phường An Tịnh	Khu phố Suối Sâu - An Khương, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét - Điểm đầu: từ cổng chào khu công nghiệp Linh Trung 3 (GPS:

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			11.0180128,106.4026137). - Điểm cuối: ngã ba An Khương (GPS: 11.0119568,106.3756443).
3	KDC An Bình - An Khương, đường HL.2	Khu phố An Bình, An Khương, phường An Tịnh	Đường HL.2, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ ngã 3 An khương về hướng An Bình - Bó Heo (GPS: 11.0376782,106.3873908). - Điểm cuối: đoạn giao nhau giữa ngã tư nhà ông Lân đường An Bình đi cầu Sắt Gia Lộc (GPS: 11.0119568,106.3756443).
4	KDC Suối Sâu - An Bình, đường QL.22	Khu phố Suối Sâu, An Bình, phường An Tịnh	Đường QL.22, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ cầu Trường Chùa (GPS:11.030633,106.369877). - Điểm cuối: đến công chào tỉnh Tây Ninh (GPS: 11.015739,106.407864).
5	KDC Tân Lộc, đường tránh Xuyên Á và QL.22	Khu phố Tân Lộc, phường Gia Lộc	Đường tránh Xuyên Á, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: giáp ranh phường Trảng Bàng (GPS: 11.04460883,106.3549954). - Điểm cuối: mũi tàu giáp QL 22 (GPS:11.043983,106.342265). Đường QL.22, tính từ mốc lộ giới, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: đầu mũi tàu, đường Xuyên Á (GPS: 11.043983,106.342265). - Điểm cuối: giáp ranh phường Trảng Bàng (GPS: 11.037600,106.349087).
6	KDC Lộc Thanh, đường HL.2 (đường ĐT. 787)	Khu phố Lộc Thanh, phường Lộc Hưng	Đường HL.2, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba Lộc Thanh (GPS: 11.088994,106.374316). - Điểm cuối: giáp khu phố Lộc Thọ, (GPS: 11.097782,106.388086).
7	KDC Lộc Tân - Lộc Thanh, đường ĐT.787B	Khu phố Lộc Tân - Lộc Thanh, phường Lộc Hưng	Đường ĐT.787 B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ cổng Mười Tài khu phố Lộc Tân đi Hưng Thuận (GPS: 11.094448,106.384709). - Điểm cuối: đến ngã 3 đường Chùa Mọi (GPS: 11.079429,106.370424).
			Đường ĐT.787 - HL.2, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đường ĐT.787 (GPS: 11.090531,106.378334). - Điểm cuối: đến giáp đường HL.2 (GPS: 11.086842,106.383769).
			Đường HL. 2, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ khu phố Lộc Tân (GPS: 11.091734, 106.380760). - Điểm cuối: đến đường vào khu phố Lộc Chánh (GPS: 11.085575,106.383541).
			Đường Lộc Phước - Sông Lô, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ Lộc Tân (GPS: 11.089599, 106.383513).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			- Điểm cuối: đến đầu Kênh N 22 (GPS: 11.087575,106.387438).
8	KDC Cầu Xe, đường ĐT.787	Ấp Cầu Xe, xã Hưng Thuận	Đường ĐT.787, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: ngã ba Sông Lô (GPS: 11.121598,106.406070). - Điểm cuối: ngã ba đường Cách Mạng Miền Nam (GPS: 11.127112,106.407831).
9	KDC Sóc Lào, đường 789	Ấp Sóc Lào, xã Đôn Thuận	Đường 789, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ khu vực nhà ông Nguyễn Văn Tùng (GPS: 11.169412,106.401094). - Điểm cuối: đến trường THCS Bời Lời (GPS: 11.171918,106396758).
			Đường HL.12, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: đầu đường 789 (GPS: 11.169427,106.399113). - Điểm cuối: đến nhà ông Nguyễn Văn Đực (GPS: 11.169289,106.396812).
10	KDC Phố Chánh, đường QL.22	Khu phố Chánh, phường Gia Bình	QL.22, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: tại ngã 4 chót đèn đỏ giao nhau với đường Bình Thủy (GPS: 11.057063,106.326677). - Điểm cuối: đến công Rõng Tượng (GPS: 11.061749,106.314768).
11	KDC Bình Nguyên 1, đường Bình Nguyên 1	Khu phố Bình Nguyên 1, phường Gia Bình	Đường Bình Nguyên 1, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ nhà thờ Bình Nguyên 1 (GPS: 11.065903,106.303614). - Điểm cuối: giáp Trường Tiểu học Bình Nguyên (GPS: 11.057302,106.300376).
12	KDC An Quới, đường An Quới 4	Khu phố An Quới, phường An Hòa	Đường An Quới 4, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: điểm đầu là đường tỉnh lộ 787 (GPS: 11.033111,106.331439). - Điểm cuối: đường Giếng Mạch (GPS: 11.027670,106.329646).
13	KDC khu phố An Hội	Khu phố An Hội phường An Hòa	T toàn bộ khu phố: hướng Đông giáp khu phố An Quới; hướng Tây và Nam giáp khu công nghiệp. Thành Thành Công; hướng Bắc giáp khu phố Hòa Hội.
14	KDC khu phố Hòa Hội	Khu phố Hòa Hội, phường An Hòa	T toàn bộ khu phố: hướng Đông, Tây và Bắc giáp khu phố An Lợi; hướng Nam giáp khu phố An Hội.
15	KDC Bình Hòa	Ấp Bình Hòa, xã Phước Bình	Tất cả các tuyến đường trên địa bàn ấp, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét.
16	KDC Bình Thuận	Ấp Bình Thuận, xã Phước Bình	Tất cả các tuyến đường trên địa bàn ấp, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét.
17	KDC Gò Ngãi, đường An Thạnh - Phước Chỉ	Ấp Gò Ngãi, xã Phước Bình	Đường An Thạnh - Phước Chỉ, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: ngã tư Phước Lưu cũ (GPS: 11.040950,106.228158).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Áp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			- Điểm cuối: đoạn cửa 1 giáp ấp Bình Hòa (GPS: 11.031314,106.228514).
18	KDC Phước Đông - Phước Dân - Phước Thuận - Phước Hòa, đường HL.8	Áp Phước Đông, Phước Dân, Phước Thuận, Phước Hòa, xã Phước Chi	Đường HL.8, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: cầu Phước Chi (GPS: 11.015042, 106.232705). - Điểm cuối: cầu Bà Xâm (GPS: 10.99661,106.23186).
19	KDC Phước Dân - Phước Thuận - Phước Hưng, đường ĐT.786	Áp Phước Dân, Phước Thuận, Phước Hưng, xã Phước Chi	Đường ĐT.786, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ xã Phước Bình (GPS: 11.017933, 106.221670). - Điểm cuối: đến cầu Đường Xuồng (GPS: 10.977169, 106.214739).
III	GÒ DẦU: 22		
1	KDC Cẩm Thắng, đường QL.22B	Áp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đường Cẩm Giang 1 (GPS: 11.204352, 106.149625). - Điểm cuối: đến giáp ranh xã Trường Đông (GPS: 11.212811, 106.150548).
2	KDC Bông Trang - Trà Vỡ - Bến Đình - Bến Mương, đường QL.22B	Áp Bông Trang, Trà Vỡ, Bến Đình, Bến Mương, xã Thạnh Đức	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đường Số 1 (GPS: 11.1798234,106.1912895). - Điểm cuối: đến kênh N4 (GPS: 11.1643927,106.2238361).
3	KDC Bến Đình	Áp Bến Đình, xã Thạnh Đức	Khu vực chợ Thạnh Đức: - Hướng Đông giáp đường số 28. - Hướng Tây giáp đường số 24. - Hướng Nam giáp đường trục ngang, từ đường số 24 đến đường số 28. - Hướng Bắc giáp QL.22B.
4	KDC Bến Mương	Áp Bến Mương, xã Thạnh Đức	Khu vực Trường tiểu học và THCS Thạnh Đức: - Hướng Đông giáp đường số 13. - Hướng Tây giáp đường số 11 (đường Trà Vỡ - Đất Sét). - Hướng Nam giáp QL.22B. - Hướng Bắc giáp đất Công ty cao su Tây Ninh.
5	KDC Đá Hàng	Áp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	Vị trí 1: ven đường nhựa Hiệp Thạnh 23, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ngã tư Vên Vên (GPS: 11.152553,106.238695). - Điểm cuối: Công ty Cao Su Tây Ninh (GPS: 11.15856,106.23346). Vị trí 2: ven theo đường nhựa tính lộ Tầm Lanh - Truong Mít, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ngã tư Vên Vên (GPS: 11.152553,106.238695).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			- Điểm cuối: điểm giao nhau giữa đường nhựa tỉnh lộ Tầm Lanh - Truong Mít và đường nhựa liên ấp Đá Hàng (GPS: 11.154369,106.243775).
6	KDC Cây Nính, đường QL.22B	Ấp Cây Nính, xã Phước Trạch	Đường Cao Sơn tự, bên phải hướng từ QL.22B vào, tính từ mốc lộ giới vô sâu 200 mét. - Điểm đầu: từ QL.22B (GPS: 11.1288985,106.2495142). - Điểm cuối: đường bê tông giáp Trung tâm học tập cộng đồng xã (GPS: 11.128486,106.243691)
7	KDC Phước Hội A, đường Phước Thạnh - Bàu Đồn	Ấp Phước Hội A, xã Phước Thạnh	Đường Phước Thạnh - Bàu Đồn, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ đường 317 (GPS: 11.103519, 106.275093). - Điểm cuối: đến ngã ba chợ Phước Thạnh (GPS: 11.107475,106.282085).
8	KDC Phước Hội B, đường Phước Thạnh - Bàu Đồn	Ấp Phước Hội B, xã Phước Thạnh	Đường Phước Thạnh - Bàu Đồn, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 70 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba Chợ Phước Thạnh (GPS: 11.107475,106.282085). - Điểm cuối: cua Quốc Việt (GPS: 11.110981,106.291169).
9	KDC Trâm Vàng 1 - 2 - 3, đường QL.22A	Ấp Trâm Vàng 1, 2, 3, xã Thanh Phước	Đường QL.22A, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ giáp ranh thị trấn Gò Dầu (GPS: 11.077826,106.273655). - Điểm cuối: đến hết ranh xã Thanh Phước (GPS: 11.066014,106.303578).
10	KDC Trâm Vàng 1, đường Cầu Sao - Xóm Đồng	Ấp Trâm Vàng 1, xã Thanh Phước	Đường Cầu Sao - Xóm Đồng, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đoạn giáp QL.22A (GPS: 11.070095,106.292278). - Điểm cuối: đến Kênh N18-19-4 (GPS: 11.072854,106.302887).
11	KDC Xóm Mới 1 - 2, đường HL.1	Ấp Xóm Mới 1, 2, xã Thanh Phước	Đường HL.1, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ kênh N18-20-5 (GPS: 11.091457,106.282053). - Điểm cuối: đến giáp đường Pháo Binh (GPS: 11.093346,106.289742).
12	KDC Xóm Đồng, đường ĐT.782	Ấp Xóm Đồng, xã Thanh Phước	Đường ĐT.782, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ giáp đường Cây Me (GPS: 11.095065,106.326851). - Điểm cuối: đến hết ranh xã Thanh Phước (GPS: 11.087416,106.329763).
13	KDC Phước Đức A - B, đường Nông Trường, đường số 01 và đường Phước Đông	Ấp Phước Đức A, B, xã Phước Đông	Đường Nông Trường, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ giáp đường ĐT.782 (GPS: 11.120999,106.324026). - Điểm cuối: đến ranh KCN Phước Đông (GPS: 11.1259164,106.335027). Đường số 01 đường Nông Trường nối ra đường số 05 tiếp giáp đường ĐT 782, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ giáp đường Nông Trường (GPS: 11.122113,106.326564).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Áp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			<ul style="list-style-type: none"> - Điểm cuối: đầu đường số 5 ĐT.782 (GPS: 11.130622,106.319079). Đường Phước Đông - Phước Thạnh, từ đầu đường ĐT 782 đến đầu giáp đường số 2 Phước Đông - Phước Thạnh, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ giáp đường ĐT.782 (GPS: 11.120999,106.324026). - Điểm cuối: đến giáp đường số 2 Phước Đông - Phước Thạnh (GPS: 11.120096,106.320305).
14	KDC Phước Đức B, đường Sở Gòn (đường số 1 ĐT.782) và đường Cầu Ô (đường số 2 ĐT.782)	Áp Phước Đức B, xã Phước Đông	<ul style="list-style-type: none"> Đường Cầu Ô (đường số 2 ĐT.782), tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ đầu đường ĐT.782 (GPS: 11.139305,106.312183). - Điểm cuối: đến hết ranh xã Phước Đông (GPS: 11.135989,106.310681). Đường Sở Gòn (đường số 1 ĐT.782), tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đầu đường ĐT.782 (GPS: 11.139305,106.312183). - Điểm cuối: ranh KCN Phước Đông (GPS: 11.142604,106.318724).
15	KDC Suối Cao A - Cây Trắc, đường HL.1	Áp Suối Cao A, Cây Trắc, xã Phước Đông	<ul style="list-style-type: none"> Đường HL.1, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ đầu đường ĐT.782 (GPS: 11.116619,106.325930). - Điểm cuối: đến kênh N18-20 (GPS: 11.106673,106.313782).
16	KDC Suối Cao A	Áp Suối Cao A, xã Phước Đông	<ul style="list-style-type: none"> Hướng Đông giáp: đường trục ngang giáp đường số 15 đến giáp đường số 21 ĐT.782. - Điểm đầu (GPS: 11.119203,106.328131). - Điểm cuối (GPS: 11.116297,106.329656). Hướng Tây giáp: đường ĐT 782. - Điểm đầu (GPS: 11.118493,106.325429). - Điểm cuối (GPS: 11.114684,106.326201). Hướng Nam giáp: đường số 21 ĐT 782. - Điểm đầu (GPS: 11.114684,106.326201). - Điểm cuối (GPS: 11.116297,106.329656). Hướng Bắc giáp: đường số 15 ĐT 782. - Điểm đầu (GPS: 11.118493,106.325429). - Điểm cuối (GPS: 11.119203,106.328131).
17	KDC Suối Cao B, đường HL.2	Áp Suối Cao B, xã Phước Đông	<ul style="list-style-type: none"> Đường HL.2, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đường ĐT.782 (GPS: 11.102424,106.326665). - Điểm cuối: đến hết ranh xã Phước Đông (GPS: 11.097534,106.338662).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
18	KDC Phước Đức A, B - Suối Cao A, B đường ĐT.782	Ấp Phước Đức A, B, ấp Suối Cao A, B, xã Phước Đông	Đường ĐT.782, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ Suối Cầu Đức giáp ranh xã Bàu Đồn (GPS: 11.141081,106.310928). - Điểm cuối: đến giáp đường Cây Me và đường số 29 ĐT 782 (GPS: 11.095104,106.326852).
19	KDC Ấp 1 - 2, đường ĐT.784	Ấp 1, 2, xã Bàu Đồn	Đường ĐT.784, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba Bàu Đồn (GPS: 11.175588,106.312849). - Điểm cuối: đến hết ranh tiếp giáp xã Trông Mít (GPS:11.194702,106.294722).
20	KDC Ấp 2, đường ĐT.782	Ấp 2, xã Bàu Đồn	Đường ĐT.782, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba Bàu Đồn (GPS: 11.175502,106.313377). - Điểm cuối: đến đường bê tông nhà Văn hóa Ấp 2 (GPS: 11.177837,106.315756).
21	KDC Ấp 4 - 5 - 7, đường ĐT.782	Ấp 4, 5, 7, xã Bàu Đồn	Đường ĐT.782, tính từ mốc lộ giới, mỗi bên vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ suối Cầu Đức (GPS: 11.175588,106.312849). - Điểm cuối: đến suối Bàu Đồn (GPS: 11.141132, 106.310940).
22	KDC Ấp 5, đường Bàu Đồn - Phước Thạnh	Ấp 5, xã Bàu Đồn	Đường Bàu Đồn - Phước Thạnh, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba chùa Phước Minh (GPS: 11.154038,106.308144). - Điểm cuối: đến kênh N14-14 bên hướng hướng Đông (GPS: 11.136885,106.302460).
IV	BẾN CẦU: 12		
1	KDC Thuận Đông - Thuận Chánh, đường Đặng Văn Sơn	Ấp Thuận Đông, Thuận Chánh, xã Lợi Thuận	Đường Đặng Văn Sơn, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ giáp ranh thị trấn Bến Cầu (GPS: 11.1160312,106.1874483). - Điểm cuối: đến UBND xã Lợi Thuận (GPS: 11.1199500,106.1928241).
2	KDC Thuận Chánh - Thuận Tâm - Thuận Hòa, đường liên xã	Ấp Thuận Chánh, Thuận Tâm, Thuận Hòa, xã Lợi Thuận	Đường liên xã, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba Bia tường niệm (GPS: 11.1184512,106.1910390). - Điểm cuối: đến ngã ba Địa đạo Lợi Thuận (GPS: 11.1252417,106.1902927).
3	KDC Khu phố 1, đường Nguyễn Trung Trực	Khu phố 1, thị trấn Bến Cầu	Đường Nguyễn Trung Trực (ĐT. 786), tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ vòng xuyên huyện (GPS: 11.110771,106.179520). - Điểm cuối: đến hẻm số 34 (GPS: 11.106357,106.180811).
4	KDC Khu phố 1 - 2, đường Đặng Văn Sơn	Khu phố 1, 2, thị trấn Bến Cầu	Đường Đặng Văn Sơn, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ vòng xuyên huyện (GPS: 11.110771,106.179520). - Điểm cuối: đến UBND xã Lợi Thuận (GPS: 11.1199500,106.1928241).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
5	KDC Khu phố 1 - 2 - 4, đường Nguyễn Văn Độ	Khu phố 1, 2, 4, thị trấn Bến Cầu	Đường Nguyễn Văn Độ, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ vòng xuyên huyện (GPS: 11.110771,106.179520). - Điểm cuối: đến giáp ranh xã Lợi Thuận (GPS: 11.111131,106.168087).
6	KDC Khu phố 2, đường Nguyễn Trung Trực	Khu phố 2, thị trấn Bến Cầu	Đường Nguyễn Trung Trực (hướng đi Bến Đình), tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ vòng xuyên huyện (GPS: 11.110771,106.179520). - Điểm cuối: đến hẻm số 90 (GPS: 11.118954,106.176460).
7	KDC Khu phố 3, đường Nguyễn Trung Trực	Khu phố 3, thị trấn Bến Cầu	Đường Nguyễn Trung Trực (hướng đi Bến Đình), tính từ mốc lộ giới, mỗi bên vô 50 mét. - Điểm đầu: từ hẻm số 90 (GPS: 11.118954,106.176460). - Điểm cuối: đến giáp ranh xã Tiên Thuận (11.132646,106.173683).
8	KDC Rừng Dầu - Tân Lập, đường ĐT.786	Ấp Rừng Dầu, Tân Lập, xã Tiên Thuận	Đường ĐT.786, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ nhà nghỉ Cao Sáng của ông Cao Hoàng Minh (thửa đất số 373, bản đồ số 49, lưới VN 2000) GPS: 11.1121580,106.1567690). - Điểm cuối: cửa hàng xăng dầu 99 của bà Phan Thị Ca (thửa đất số 139, BD: 56, lưới VN 2000): (GPS: 11.1149330,106.1482330).
9	KDC Long Hòa - Long Phi, đường DT.786	Ấp Long Hòa - Long Phi, xã Long Thuận	Đường ĐT.786, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ cầu Long Thuận (GPS: 11.133147,106.124907). - Điểm cuối: Kênh N1 (Long Phi) (GPS: 11.120956,106.135411).
10	KDC Long Phi, đường H-BC.13	Ấp Long Phi, xã Long Thuận	Đường H-BC.13, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ ngã tư UBND xã (GPS: 11.126134,106.129884). - Điểm cuối: Trường mầm non xã Long Thuận (Long Phi) (GPS: 11.121536,106.131444)
11	KDC Long Châu, đường ĐT.786	Ấp Long Châu, xã Long Khánh	Đường ĐT.786, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu mỗi bên 50 mét. - Điểm đầu: từ cầu Long Thuận (GPS: 11.133561,106.124647). - Điểm cuối: giáp ranh xã Long Giang (GPS: 11.140642,106.123841).
12	KDC Long Hoà, đường ĐT.786	Ấp Long Hoà, xã Long Chử	Đường ĐT.786, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ Thánh thất Long Chử (GPS: 11.1973583,106.1013768). - Điểm cuối: trường mẫu giáo (cũ) xã Long Chử (GPS: 11.1813141,106.1127302).
V	CHÂU THÀNH: 22		

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
1	KDC Khu phố 1 - 2 - 3 - 4, đường đường ĐT.781	Khu phố 1, 2, 3, 4, thị trấn Châu Thành	Đường ĐT.781, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: ranh thị trấn Châu Thành (GPS: 11.308735,106.026287). - Điểm cuối: ngã tư Tam Hạp (GPS: 11.316907,106.030743).
2	KDC Khu phố 1 - 4, đường Hoàng Lê Kha	Khu phố 1, 4, thị trấn Châu Thành	Đường ĐT.781, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ngã tư Châu Thành (GPS: 11.312259,106.031180). - Điểm cuối: Trường PTTT Hoàng Văn Thụ (GPS: 11.317276,106.030669).
3	KDC Xóm Mới 1, đường Hoàng Lê Kha	Ấp Xóm Mới 1, xã Trí Bình	Đường Hoàng Lê Kha, tính từ mốc lộ giới hướng Bắc đường Hoàng Lê Kha vô sâu 100 mét, hướng Nam đường Hoàng Lê Kha vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ranh xã Trí Bình - Thị Trấn (GPS: 11.311246,106.018763). - Điểm cuối: đến ngã ba liên xã Trí Bình - Thị Trấn (GPS: 11.310959,106.016491).
4	KDC Xóm Ruộng, đường ĐT.781	Ấp Xóm Ruộng, xã Trí Bình	Đường ĐT.781, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 40 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba đường ĐT.781 giao với đường số 7 (ranh Trí Bình - Thị trấn) (GPS: 11.303819,106.019844). - Điểm cuối: đến ngã ba đường ĐT.781 giao với đường liên xã Trí Bình - An Bình (GPS: 11.300179,106.015738).
5	KDC Bến Cầu, đường ĐH.7	Ấp Bến Cầu, xã Biên Giới	Đường ĐH.7, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đầu cầu Nàng Dinh (GPS: 11.311246,106.018763). - Điểm cuối: đến ngã 4 Đôn 839 (GPS: 11.310959,106.016491).
6	KDC Thanh An - Thanh Bình, đường HL.9	Ấp Thanh An, Thanh Bình, xã An Bình	Đường HL.9, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét - Điểm đầu: từ cầu công chào ấp Thanh An (GPS: 11.301284,106.040445). - Điểm cuối: đến ngã tư tiếp giáp đường huyện 10 (GPS: 11.279042, 106.065475).
7	KDC Ấp Vĩnh - Trung tâm UBND xã, đường ĐT.788	Ấp Vĩnh, xã An Cơ	Đường ĐT.788, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ cầu Vĩnh (GPS: 11.394096,105.964726) - Điểm cuối: đến kênh TN 25 (GPS: 11.396487, 105.983143)
8	KDC An Lộc, đường ĐT.788	Ấp An Lộc, xã An Cơ	Đường ĐT.788, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét - Điểm đầu: từ kênh TN 25 (GPS: 11.396487,105.983143). - Điểm cuối: đến nhà ông Phạm Văn Bun (thửa đất số 13, tờ bản đồ 57) (GPS: 11.397233, 105.993168).
9	KDC Bình Phong - Bình Hòa - Bình Long, đường ĐT.781 -	Ấp Bình Phong, Bình Hòa, Bình Long, Suối Muôn,	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ranh thành phố Tây Ninh (TPTN) (GPS: 11.31564,106.08067).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
	QL.22B -ĐT.781	Tam Hạp, xã Thái Bình	- Điểm cuối: đến ranh giới thị trấn Châu Thành (GPS: 11.31292,106.04061).
10	KDC thuộc khu chung cư Bình Hòa	Ấp Bình Hoà, xã Thái Bình	Toàn bộ khu chung cư.
11	KDC Bình Long, đường Trung Nữ Vương	Bình Long, xã Thái Bình	Đường Trung Nữ Vương, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ranh TP Tây Ninh (GPS: 11.31087,106.07677). - Điểm cuối: đến giáp đường QL22B (GPS: 11.30999,106.06587).
12	KDC Gò Nổi, đường ĐT.796	Ấp Gò Nổi, xã Ninh Điền	Đường ĐT.796, tính từ Mốc Lộ Giới Mỗi Bên, Vào Sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ Ngã Ba Chợ Ninh Điền (GPS: 11.247744,106.041057). - Điểm cuối: cửa hàng đồ gỗ Phong Lâm (thửa đất 118, tờ bản đồ số 67 (GPS: 11.2444955,106.040371).
13	KDC Bến Cừ, đường ĐT.796	Ấp Bến Cừ, xã Ninh Điền	Đường ĐT.796, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 100 mét - Điểm đầu: từ quán cơm Hùng Thảo (thửa đất số 96, tờ bản đồ 24) (GPS: 11.254254, 106.019687). - Điểm cuối: đến quán Hương Anh (thửa đất số 110, tờ bản đồ 24) (GPS: 11.253660, 106.021674).
14	KDC Bàu Sen, đường HL.3	Ấp Bàu Sen, xã Hào Đức	Đường HL.3, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ nhà ông Nguyễn Thành Phát (thửa đất số 844, tờ bản đồ 35) (GPS: 11.350044,106.014042). - Điểm cuối: đến nhà ông Đoàn Văn Tròn (thửa đất số 426, tờ bản đồ số 35) (GPS: 11.353589,106.009053).
15	KDC Nam Bến Sỏi - Bắc Bến Sỏi - Thành Tây - Thành Bắc - Thành Đông - Thành Trung, đường ĐT.781	Ấp Nam Bến Sỏi, Bắc Bến Sỏi, Thành Tây, Thành Bắc, Thành Đông, Thành Trung, xã Thành Long	Đường ĐT.781, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 70 mét. - Điểm đầu: từ cầu Bến Sỏi (GPS: 11.286445,105.999077). - Điểm cuối: đường vào Đại đội C40 (GPS: 11.266793,105.960376).
16	KDC Nam Bến Sỏi, đường ĐT.796	Ấp Nam Bến Sỏi, xã Thành Long	Đường ĐT.796, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đường ĐT.781 (GPS: 11.284045,105.995572). - Điểm cuối: đến đường hẻm Tổ 10 (GPS: 11.278891,105.998686).
17	KDC Bắc Bến Sỏi, đường HL.23	Ấp Bắc Bến Sỏi, xã Thành Long	Đường HL.23, tính từ mỗi bên, vào sâu 35 mét. - Điểm đầu: từ đường ĐT.781 (GPS: 11.283089,105.993734). - Điểm cuối: đến giáp đường hẻm tổ 9 (GPS: 11.289815, 105.989520).
18	KDC Thành Trung, đường H.7	Ấp Thành Trung, xã Thành	Đường H. 7, còn gọi đường liên xã Thành Long - Hòa Hội, tính từ mốc lộ giới mỗi

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
		Long	bên, vô sâu 35 mét. - Điểm đầu: tiếp giáp ĐT.781 (GPS: 11.269383,105.966103). - Điểm cuối: giáp nhà Út Kiến (thừa đất số 82, tờ bản đồ số 27 (GPS: 11.272949,105.963520).
19	KDC Tua Hai, đường QL.22B	Ấp Tua Hai, xã Đồng Khởi	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ ngã 3 đèn xanh, đỏ (QL22B) (GPS: 11.35623,106.05987). - Điểm cuối: đến giáp đường nội đồng 36 (GPS: 11.36142,106.05591).
20	KDC Cây Xiêng, đường QL.22B	Ấp Cây Xiêng, xã Đồng Khởi	Đường QL.22B, từ mốc lộ giới, vô sâu hướng bên chợ Cây Xiêng là 60 mét, vô sâu từ lô 1 đến lô 12 là 100 mét. - Điểm đầu: từ giáp ranh thành phố Tây Ninh (GPS:11.334619,106.077071). - Điểm cuối: đến đường Chùa Phước Trường (GPS:11.34178,106.073041).
21	KDC Phước Lợi, đường ĐT.788	Ấp Phước Lợi, xã Phước Vinh	Đường ĐT.788, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ cửa hàng vật tư nông nghiệp An Cơ (GPS: 11.395209, 105.953643). - Điểm cuối: ngã tư UBND xã Phước Vinh (GPS: 11.395217, 105.946643).
22	KDC Thanh Sơn - Thanh Hùng - Thanh Phước, đường Thanh Điền 12	Ấp Thanh Sơn, Thanh Hùng, Thanh Phước, xã Thanh Điền	Lấy đường Thanh Điền 12 làm trung tâm KDC 3 Ấp, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 485 mét. - Điểm đầu: từ đoạn giáp đường Thanh Điền 10 (GPS: 11.28371,106.06693). - Điểm cuối: đến ngã ba đường vào UBND xã Thanh Điền (GPS: 11.28422,106.08196).
VI	DƯƠNG MINH CHÂU: 10		
1	KDC Khu phố 1-2-3-4, đường Nguyễn Chí Thanh	Khu phố 1, 2, 3, 4, thị trấn Dương Minh Châu	Đường Nguyễn Chí Thanh, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu đến hết thửa đất tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh. - Điểm đầu: từ giáp ranh xã Suối Đá (GPS: 11.380500,106.223526). - Điểm cuối: đến ngã 3 Bờ Hồ (GPS: 11.394859,106.242426).
2	KDC Khu phố 1, đường Cù Chính Lan	Khu phố 1, thị trấn Dương Minh Châu	Đường Cù Chính Lan, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 150 mét. - Điểm đầu: từ quán Phong Sò (giáp ranh xã Suối Đá) (GPS: 11.379931,106.224154). - Điểm cuối: đến trụ sở Quỹ tín dụng (giáp chợ Dương Minh Châu) (GPS: 11.382969,106.229103)
3	KDC Khu phố 1, đường Dương	Khu phố 1, thị trấn Dương	Đường Dương Minh Châu, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 150 mét.

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Áp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
	Minh Châu	Minh Châu	- Điểm đầu: từ giáp đường Nguyễn Chí Thanh (GPS: 11.383691,106.228807). - Điểm cuối: đến giáp đường Lê Thị Riêng (cấp sân vận động huyện), (GPS: 11.379459,106.231057).
4	KDC Khu phố 1 - 2, đường Nguyễn Bình	Khu phố 1, 2, Thị trấn Dương Minh Châu	Đường Nguyễn Bình, từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 150 mét. - Điểm đầu: từ đoạn giáp đường Châu Văn Liêm (GPS: 11.385087,106.225790). - Điểm cuối: đến giáp đường Lê Thị Riêng (cấp sân vận động huyện) (GPS: 11.378519,106.229560).
5	KDC Khu phố 1 - đường Trịnh Đình Thảo	Khu phố 1, Thị trấn Dương Minh Châu	Đường Trịnh Đình Thảo, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 150 mét (01 bên đường thuộc địa phận thị trấn Dương Minh Châu). - Điểm đầu: từ đoạn giáp ranh Suối Đá (đường Nguyễn Chí Thanh) (GPS: 11.380423,106.223575) - Điểm cuối: đến giáp đường số 27 (GPS: 11.376137,106.228161).
6	KDC Tân Định 1 - 2 - Phước Hội - Phước Hoà, đường ĐT.781	Áp Tân Định 1, 2, Phước Hội, Phước Hoà, xã Suối Đá	Đường ĐT.781, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ giáp ranh thị trấn Dương Minh Châu (GPS: 11.380500, 106.223526). - Điểm cuối: đến giáp ranh xã Phan (GPS: 11.360770, 106.209550).
7	KDC Ninh Hiệp - Ninh Thuận, đường ĐT.781	Áp Ninh Hiệp, Ninh Thuận, xã Bàu Năng	Đường ĐT.781, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 40 mét. - Điểm đầu: từ giáp ranh thành phố Tây Ninh (vùng rau muống) (GPS: 11.305285,106.138567). - Điểm cuối: đến ngã ba đường số 21 vào chợ Bàu Năng (GPS: 11.310749,106.152366).
8	KDC Ninh Hiệp - Ninh An, khu vực bao quanh chợ Bàu Năng	Áp Ninh Hiệp, Ninh An, xã Bàu Năng	Khu vực bao quanh chợ Bàu Năng, tính từ ranh giới chợ, vô các bên 40m (Tâm GPS 11.309845,106.153041).
9	KDC Ninh Hiệp, Ninh Thuận, đường ĐT.784C	Áp Ninh Hiệp, Ninh Thuận, xã Bàu Năng	Đường ĐT.784C, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 40 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba Bàu Năng (GPS: 11.308608,106.149533). - Điểm cuối: đến ngã ba đường số 21 vào chợ Bàu Năng (GPS: 11.30846,106.153652).
10	KDC đường ĐT 782 B - đường ĐT. 782B	Áp B2 và Áp Phước Lộc, xã Phước Minh	Đường ĐT.782B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba Trạm Y tế xã Phước Minh (GPS: 11.309603,106.308888). - Điểm cuối: đến ngã ba Hai Dàn (GPS: 11.315693,106.308093).
VII	TÂN CHÂU: 08		

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
1	KDC Khu phố 1 - 2, đường Tôn Đức Thắng, Trần Văn Trà	Khu phố 1, 2, thị trấn Tân Châu	Đường Tôn Đức Thắng, Trần Văn Trà (đường ĐT.785), tính từ lộ giới đường vào đến ranh địa giới hành chính giữa thị trấn Tân Châu - xã Thạnh Đông. - Điểm đầu: từ đường N11 (giáp ranh xã Thạnh Đông) (GPS: 11.547207,106.160430). - Điểm cuối: đến Kênh CT1 (giáp ranh xã Thạnh Đông) (GPS: 11.559313,106.163172).
2	KDC Khu phố 1- 2-3-4, đường Lê Duẩn (ĐT.795)	Khu phố 1, 2, 3, 4, thị trấn Tân Châu	- Đường Lê Duẩn (đường ĐT.795), tính từ lộ giới đường vào đến tuyến Kênh CT1 (ranh địa giới hành chính giữa thị trấn Tân Châu - xã Thạnh Đông). - Đường Lê Duẩn (đường ĐT.795), tính từ lộ giới đường vào đến đường N11; kênh tưới Tân Châu - Tân Biên (ranh địa giới hành chính giữa thị trấn Tân Châu và xã Thạnh Đông). + Điểm đầu: từ vòng xoay, hướng đi xã Suối Dây (GPS: 11.553664,106.161894). + Điểm cuối: đến hồ Tha La (GPS: 11.549546,106.191204).
			Hướng Bắc đường nhựa ĐT.795: từ điểm đầu vào sâu 200 mét, đến đường bê tông THD.15, theo hướng Tây đến hộ dân Lưu Thị Thê, đi theo hướng Bắc đến đường TQ.18, đi theo hướng Tây nối với đường TQ.14 và TQ.16 tiếp tục ra điểm cuối giáp đường ĐT. 795. - Điểm đầu: điểm giáp giữa đường ĐT.795 và đường bê tông THD.47 (GPS: 11.5537139,106.1436836). - Điểm cuối: điểm giáp giữa đường ĐT.795 và đường bê tông TQ.16 (GPS: 11.5537341,106.1371095).
3	KDC Thạnh Quới, đường ĐT.795	Ấp Thạnh Quới, xã Thạnh Đông	Hướng Nam đường nhựa ĐT.795: từ điểm đầu vào sâu 200m, đến đường bê tông THD.16; từ điểm cuối vào sâu 200m đến đường bê tông THD.16. - Điểm đầu: điểm giáp giữa đường ĐT.795 và đường bê tông THD.44 (GPS 11.5537008,106.1430047). - Điểm cuối: điểm giáp giữa đường ĐT.795 và đường bê tông THD.45 (GPS: 11.5537077,106.1378613).
4	KDC chợ Tân Hưng, xã Tân Hưng	Ấp Tân Đông, xã Tân Hưng	Phạm vi được giới hạn trên sơ đồ với 12 điểm, diện tích 1,726 ha/119 hộ, có vị trí cụ thể như sau: - Từ điểm 1 đến điểm 2: trùng ranh cạnh hướng Tây của thửa đất số 269 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 2 đến điểm 3: trùng đoạn mương hướng Bắc chợ Tân Hưng, từ hướng Bắc

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			<p>thửa đất số đất 269 tờ bản đồ số 66 đến hướng Bắc thửa đất số 227 tờ bản đồ số 66.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ điểm 3 đến điểm 4: trùng đoạn mương hướng Bắc chợ Tân Hưng từ hướng Bắc thửa đất số 227 tờ bản đồ số 66 đến hướng Bắc thửa đất số 188 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 4 đến điểm 5: từ hướng Bắc thửa đất số 188 tờ bản đồ số 66 đến hướng Tây thửa đất số 162 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 5 đến điểm 6: trùng ranh cạnh hướng Bắc thửa đất số 162 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 6 đến điểm 7: trùng ranh hướng Tây sân vận động Tân Hưng, từ hướng Đông thửa đất số 162 tờ bản đồ số 66 đến hướng Đông thửa đất số 307 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 7 đến điểm 8: trùng cạnh hướng Nam thửa đất số 307 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 8 đến điểm 9: từ hướng Tây thửa đất số 307 tờ bản đồ số 66 đến hướng Đông thửa đất số 254 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 9 đến điểm 10: trùng đường mương phía Nam chợ Tân Hưng, từ hướng Nam thửa đất số 254 tờ bản đồ số 66 đến hướng Nam thửa đất số 314 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 10 đến điểm 11: từ hướng Tây thửa đất số 314 tờ bản đồ số 66 đến hướng Tây thửa đất số 273 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 11 đến điểm 12: từ hướng Bắc thửa đất số 273 tờ bản đồ số 66 đến hướng Nam thửa đất số 222 tờ bản đồ số 66. - Từ điểm 12 đến điểm 1: từ hướng Nam thửa đất số 222 tờ bản đồ số 66 đến hướng Nam thửa đất số 269 tờ bản đồ số 66.
5	KDC Tân Hòa, đường ĐT.785	Ấp Tân Hòa, xã Tân Phú	<p>Đường ĐT.785, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm đầu: từ đường TP.02 (GPS: 11.513217,106.162895) - Điểm cuối: đến đường ĐH.805 (đường vào ấp Tân Thanh, tọa độ GPS: 11.518617,106.161476); đường vào ấp Tân Tiến, (GPS: 11.519279,106.161383).
6	KDC Hội An - Hội Phú, đường ĐT. 785	Ấp Hội An, Hội Phú, xã Tân Hội	<p>Đường ĐT.785, gần chợ Tân Hội, trường THCS Lê Lợi, trụ sở UBND xã: (công an, quân sự) diện tích 2,6 ha, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm đầu: từ đất hộ dân (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 61) (GPS: 11.6308808,106.197173). - Điểm cuối đến đất dân (thửa đất số 392, tờ bản đồ số 73) (GPS: 11.627205, 106.195360).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Áp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
7	KDC Hội Phú, đường ĐT.785	Áp Hội Phú, xã Tân Hội	Trục đường ĐT.785, diện tích 2,1 ha, chiều dài 420 mét, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đường THO.94 (GPS: 11.631308,106.197666). - Điểm cuối: đến đất hộ dân (thửa đất số 3, tờ bản đồ 73) (GPS: 11.628101,106.196073).
8	KDC Thạnh An -Thạnh Phú -Tân Bình - Hội Thắng, đường ĐT. 785, đường ĐH.801	Áp Thạnh An, Thạnh Phú, Tân Bình, Hội Thắng, xã Tân Hiệp	Đường ĐT.785 từ hướng xã Tân Hiệp về Tân Hội, tính từ mốc lộ giới vào sâu bên trái 50 mét, bên phải đến đường THI.40. - Điểm đầu: từ đường THI. 29a (GPS: 11.5785021,106.1698060) - Điểm cuối: đến: đường THI.36 (đường vào nhà máy Việt Mã) (GPS: 11.5856994, 06.1736335). Đường ĐH.801 (Tân Hiệp - Sóc Miên) tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 35 mét. - Điểm đầu: từ Ngã tư Tân Hiệp (GPS:11.5841202, 106.1727890). - Điểm cuối: đến giáp đường THI. 07 (GPS: 11.5908960, 106.1644671).
VIII	THÀNH PHỐ TÂY NINH: 26		
1	KDC Khu phố 1, đường 30/4	Khu phố 1, Phường 1	Đường 30/4, hướng Bách Hóa đến hẻm 35 bên trái, tính từ mốc lộ giới vô sâu 150 mét. - Điểm đầu: từ vòng xuyên Bách Hoá (GPS: 11.313708,106.09626). - Điểm cuối: đến hẻm 35 đường 30/4 bên trái (GPS: 11.3267003,106.1029623).
2	KDC Khu phố 1, đường Trần Hưng Đạo	Khu phố 1, Phường 1, thành phố Tây Ninh	Toàn bộ tuyến đường Trần Hưng Đạo, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu (GPS: 11.3157923,106.0947471). - Điểm cuối (GPS: 11.3267003,106.1029623).
3	KDC Khu phố 2, đường Tua Hai	Khu phố 2, Phường 1, thành phố Tây Ninh	Đường Tua Hai bên phải từ dốc Cây Me đến ngã tư Bình Minh, tính từ mốc lộ giới, vô sâu 200 mét. - Điểm đầu: từ dốc Cây Me (GPS: 11.3164456,106.0909192). - Điểm cuối: ngã tư Bình Minh (GPS: 11.3281353,106.0804254).
4	KDC Khu phố 5, đường Trung Nữ Vương	Khu phố 5, Phường 1, thành phố Tây Ninh	Đường Trung Nữ Vương - Châu Thành, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ cầu Thái Hoà (GPS: 11.3062421,106.0958418). - Điểm cuối: đến giáp xã Thái Bình (GPS:11.3108530,106.0767853).
5	KDC Khu phố 5, đường ĐT.786	Khu phố 5, Phường 1, thành phố Tây Ninh	Đường ĐT.786, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 200 mét. - Điểm đầu: từ ngã tư Quốc Tế (GPS: 11.3103138,106.0864503).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Áp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			- Điểm cuối: đến Cổng Chào Thanh Thuận (GPS: 11.3052183,106.0849748).
6	KDC Khu phố 5 - đường Trương Quyền	Khu phố 5, Phường 1, thành phố Tây Ninh	Đường Trương Quyền, tính từ mốc lộ giới, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ trường Mẫu giáo Sơn Ca (GPS: 11.3103138,106.0864503). - Điểm cuối: đến ngã tư Quốc tế (11.3052183,106.0849748).
7	KDC khu phố Ninh Thọ	Khu phố Ninh Thọ, phường Ninh Sơn	Toàn bộ đường bàn cờ khu phố Ninh Thọ: - Hướng Bắc giáp đường Bời Lời. - Hướng Tây giáp đường 21 Bời Lời. - Hướng Đông giáp đường Nguyễn Trọng Cát. - Hướng Nam giáp hẻm 5-6 Huỳnh Văn Thanh.
8	KDC khu phố Ninh An, đường 30/4	Khu phố Ninh An, phường Ninh Sơn	- Đường 30/4 bên phải từ cầu Lâm Vô đến công viên tượng đài, hướng từ thành phố Tây Ninh đi Tân Châu, tính từ mốc lộ giới vô sâu 100 mét. - Điểm đầu (GPS: 11.332708, 106.107984). - Điểm cuối (GPS: 11.334853, 106.109708). - Toàn bộ đường bàn cờ khu phố Ninh An: + Hướng Bắc giáp đường Bời Lời. + Hướng Tây giáp đường 33 Bời Lời. + Hướng Nam giáp hẻm 5-6 đường Huỳnh Văn Thanh. + Hướng Đông giáp đường 21 Bời Lời.
9	KDC khu phố Ninh Lộc	Khu phố Ninh Lộc, phường Ninh Sơn	- Toàn bộ đường bàn cờ khu phố Ninh Lộc: + Hướng Đông giáp ruộng. + Hướng Tây giáp ruộng. + Hướng Nam giáp ruộng. + Hướng Bắc giáp hẻm 5-6 đường Huỳnh Văn Thanh.
10	KDC khu phố Ninh Tân	Khu phố Ninh Tân, phường Ninh Sơn	- Toàn bộ đường bàn cờ khu phố Ninh Tân: + Hướng Đông giáp ranh Ninh Thạnh. + Hướng Tây giáp đường Nguyễn Trọng Cát. + Hướng Nam giáp ranh Ninh Thạnh. + Hướng Bắc giáp đường Bời Lời.
11	KDC khu phố Ninh Thành, đường Trần Phú	Khu phố Ninh Thành, phường Ninh Sơn	Đường Trần Phú, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ cầu Trà Phú (GPS: 11.349417,106.109751) - Điểm cuối: Kênh Tây cầu K21 (GPS: 11.369636, 106.120296)

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
12	KDC khu phố Ninh Phú - đường Bời Lời	Khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn	Đường Bời Lời, tính từ mốc lộ giới, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: hướng bên trái từ đường số 10 (GPS: 11.341499, 106.123267). - Điểm cuối: đến đường số 6 (GPS: 11.344597, 106.130153).
13	KDC khu phố Ninh Trung, đường 30/4 và đường Trần Phú	Khu phố Ninh Trung, phường Ninh Sơn	Đường 30/4 và đường Trần Phú hướng bên bên tay trái, từ ngã ba Lâm Vô đến cầu Trà Phí, tính từ mốc lộ giới, vô sâu 100 mét. - Điểm đầu: từ cầu Lâm Vô (GPS: 11.332931, 106.107733). - Điểm cuối: cầu Trà Phí (GPS: 11.349417, 106.109751). Toàn bộ đường bàn cờ khu phố Ninh Trung: - Hướng Đông và Bắc giáp đường số 10 Bời Lời. - Hướng Tây giáp đường Trần Phú. - Hướng Nam giáp đường Bời Lời.
14	KDC khu phố Ninh Lợi	Khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh	Toàn bộ khu phố Ninh Lợi: - Hướng Đông giáp ranh giới huyện Dương Minh Châu; - Hướng Tây giáp khu phố Ninh Đức. - Hướng Bắc giáp suối Vườn Điều. - Hướng Nam giáp khu phố Ninh Đức.
15	KDC khu phố Ninh Phước	Khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh	Toàn bộ khu phố Ninh Phước: - Hướng Đông giáp ranh giới huyện Dương Minh Châu. - Hướng Tây giáp đường Điện Biên Phủ. - Hướng Bắc giáp khu phố Ninh Đức. - Hướng Nam giáp đường CMT8.
16	KDC khu phố Ninh Đức	Khu phố Ninh Đức, phường Ninh Thạnh	Toàn bộ khu phố Ninh Đức: - Hướng Đông giáp khu phố Ninh Lợi. - Hướng Tây giáp đường Điện Biên Phủ. - Hướng Bắc giáp Suối Vườn Điều. - Hướng Nam giáp khu phố Ninh Phước.
17	KDC khu phố Ninh Hoà	Khu phố Ninh Hoà, phường Ninh Thạnh	Toàn bộ khu phố Ninh Hoà: - Hướng Đông giáp đường Điện Biên Phủ. - Hướng Tây giáp đường Huỳnh Tấn Phát. - Hướng Bắc giáp phường Ninh Sơn. - Hướng Nam giáp suối Vườn Điều.

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
18	KDC khu phố Ninh Phúc, đường Điện Biên Phủ	Khu phố Ninh Phúc, phường Ninh Thạnh.	Đường Điện Biên Phủ, bên phải theo hướng từ suối Vườn Điều đến đường số 42, tính từ mốc lộ giới vô sâu 200 mét. - Điểm đầu: từ suối Vườn Điều (GPS: 11.3188629,106.1312721). - Điểm cuối: đường số 42 (GPS: 11.3310085,106.1297740).
19	KDC Tân Hoà, đường 785	Ấp Tân Hoà, xã Tân Bình	Đường 785, phía bên trái đoạn từ ngã 3 cầu Gió đến cầu K21, tính từ mốc lộ giới, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ ngã ba Cầu Gió (GPS: 11.364106,106.117555). - Điểm cuối: cầu K21 (GPS: 11.3697128, 106.1203749).
20	KDC Tân Trung, đường Lộ 12A	Ấp Tân Trung, xã Tân Bình	Đường Lộ 12A, khu vực ngã tư trước UBND xã Tân Bình, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ đầu hẻm 115 (GPS: 11.406438,106.119536). - Điểm cuối: đến quán bò Tư Xin, thửa đất số 185, tờ bản đồ số 6 (GPS: 11.414184,106.112828).
21	KDC Tân Lập, đường Lộ 12A	Ấp Tân Lập, xã Tân Bình	Đường Lộ 12A, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ lò mì Danh Dự, thửa đất số 97, tờ bản đồ số 6 (GPS: 11.414289,106.112791). - Điểm cuối: đến ngã tư ấp Tân Lập (GPS: 11.417527,106.110921).
22	KDC Tân Trung, đường số 4	Ấp Tân Trung, xã Tân Bình	Đường số 4, khu vực Trạm y tế xã Tân Bình, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ Trung tâm văn hóa thể thao học tập cộng đồng (GPS: 11.408609,106.115755). - Điểm cuối: đến giáp đường ĐT.793 (GPS: 11.403140,106.112303).
23	KDC Tân Trung, Tân Phước, đường lộ 12B.	Ấp Tân Trung, Tân Phước, xã Tân Bình	Đường lộ 12B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ giáp đường số 4 (công chào nhà Văn hoá ấp Tân Trung) - Điểm đầu: từ giáp đường số 4 (công chào nhà Văn hoá ấp Tân Trung) (GPS: 11.406261,106.113982). - Điểm cuối: đến ngã ba mũi tàu, giáp đường DT 793 (GPS: 11.394525,106.120482).
24	KDC Kinh tế, đường Trần Văn Trà, đường số 22, 23	Ấp Kinh tế, xã Bình Minh	Đường số Trần Văn Trà, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ Trạm Y tế xã Bình Minh (GPS: 11.3471907,106.0918768). - Điểm cuối: đến Doanh nghiệp tư nhân Phát Lộc Thành (GPS: 11.3529130,106.0958793).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			Đường số 22, 23, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai (GPS: 11.3474043,106.0957992). - Điểm cuối: đến Trường THCS Nguyễn Văn Linh (GPS: 11.3499914,106.0915465).
25	KDC Bình Trung, đường QL.22B	Ấp Bình Trung, xã Bình Minh	Đường QL.22B, theo hướng xã Đồng Khởi, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ Ngã tư Bình Minh (GPS: 11.3282780,106.0802662). - Điểm cuối: đến hết ranh giới TP Tây Ninh (GPS: 11.3344064,106.0771649).
26	KDC Bình Trung, đường Trần Văn Trà	Ấp Kinh tế, xã Bình Minh	Đường Trần Văn Trà, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ Ngã tư Bình Minh (GPS: 11.3282780,106.0802662). - Điểm cuối: đến hết ranh giới ấp Bình Trung (GPS: 11.3368252,106.0851307).
IX	TÂN BIÊN: 28		
1	KDC Khu phố 1 - 2, đường Phạm Hùng	Khu phố 1, 2, thị trấn Tân Biên	Đường Phạm Hùng, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: ngã ba đường Phạm Hùng - Nguyễn Chí Thanh (GPS: 11.543137,106.004900). - Điểm cuối: đường số 5 giáp ranh xã Thạnh Tây (cặp xưởng tôn Ngọc Thắm) (GPS: 11.552470,105.999100).
2	KDC Khu phố 3 - 4 - 5, đường Nguyễn Văn Linh	Khu phố 3, 4, 5, thị trấn Tân Biên	Đường Nguyễn Văn Linh, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: ngã ba Xuân Hồng (GPS: 11.543095,106.004902). - Điểm cuối: đường bê tông xi măng khu phố 5 và đường số 5 khu phố 4 (giáp Ấp Thạnh Nam, xã Thạnh Tây) (GPS: 11.522763,106.010171).
3	KDC Khu phố 2 - 3 - 6 - 7, đường Nguyễn Chí Thanh	Khu phố 2, 3, 6, 7, thị trấn Tân Biên	Đường Nguyễn Chí Thanh, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vào sâu 50 mét. - Điểm đầu: ngã 3 Phạm Hùng - Nguyễn Chí Thanh (GPS: 11.542996,106.004948) - Điểm cuối: đường Hoàng Văn Thụ (cặp cây xăng Trường Thành) (GPS: 11.544201,106.020627).
4	KDC Khu phố 3 - 4 - 5 - 6, đường 30/4	Khu phố 3, 4, 5, 6, thị trấn Tân Biên	Đường 30/4, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: ngã ba Nguyễn Chí Thanh - 30/4 (GPS: 11.543525,106.011894). - Điểm cuối: ngã ba Nguyễn Văn Linh (GPS: 11.529524,106.008459).
5	KDC Khu phố 2-7, đường Nguyễn Hữu Thọ	Khu phố 2, 7, thị trấn Tân Biên	Đường Nguyễn Hữu Thọ, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: đường Phạm Hùng (GPS: 11.545066,106.003795).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Áp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			- Điểm cuối: ngã năm Nguyễn Hữu Thọ (11.549550,106.010813).
6	KDC Khu phố 2, đường Nguyễn Minh Châu	Khu phố 2, thị trấn Tân Biên	Đường Nguyễn Minh Châu, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: đường Phạm Hùng (GPS: 11.544052,106.004523). - Điểm cuối: đường Phan Văn Đáng (GPS: 11.546378,106.009374).
7	KDC Suối Ông Đình, đường QL. 22B	Áp Suối Ông Đình, xã Trà Vong	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 70 mét. - Điểm đầu: đường số 23 (GPS: 11.4089,106.03887). - Điểm cuối: bờ kênh Nam của kênh Tây (GPS: 11.41425,106.03751).
8	KDC Suối Ông Đình, đường số 23	Áp Suối Ông Đình, xã Trà Vong	Khu dân cư dọc theo tuyến đường số 23, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: đường QL.22B (GPS 11.40895,106.03884). - Điểm cuối: đến nhà bà Nguyễn Thị Sáu (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 75) (GPS: 11.40974,106.04371).
9	KDC Suối Ông Đình, đường Trà Vong 09	Áp Suối Ông Đình, xã Trà Vong	Đường Trà Vong 09, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: đường QL.22B (11.41107,106.03842). - Điểm cuối: đến nhà ông Huỳnh Thanh Hải (thửa đất số 03, tờ bản đồ số 75) (GPS: 11.41037,106.04338).
10	KDC Suối Ông Đình, đường số 19	Áp Suối Ông Đình, xã Trà Vong	Đường số 19, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: đường QL.22B (GPS: 11.41107,106.03842). - Điểm cuối: đến nhà ông Lâm Sơn Nhân (thửa đất số 279, tờ bản đồ số 51) (GPS: 11.41146,106.04177).
11	KDC Áp Dinh, đường QL.22B	Áp Dinh, xã Mỏ Công	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: đường ranh xã Tân Phong (GPS: 11.464292,106.024620). - Điểm cuối: giáp đường MC-3 (ranh Áp Thanh Hòa) (GPS: 11.452676,106.027087).
12	KDC Thanh Hòa, đường QL.22B	Áp Thanh Hòa, xã Mỏ Công	Dọc theo tuyến đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: giáp đường MC-3 (ranh Áp Dinh) (GPS: 11.452802,106.027494). - Điểm cuối: giáp đường TV-3 (ranh xã Trà Vong) (GPS: 11.444905,106.029058).
13	Khu dân cư Áp Gò Đá, đường QL. 22B	Áp Gò Đá, xã Mỏ Công	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: đường ranh xã Tân Phong (GPS: 11.464376,106.025224). - Điểm cuối: giáp đường đất (cấp nhà bà Trương Thị Thanh Triều) (GPS: 11.455615,106.027887).
14	KDC Áp Một, đường QL.22B	Áp Một, xã Mỏ Công	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: giáp đường đất (đường ranh Áp Gò Đá) (GPS: 11.455510,106.027465).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			- Điểm cuối giáp đường MC-7 (đường cặp chợ).
15	KDC Thanh Tân, đường QL.22B	Ấp Thanh Tân, xã Mỏ Công	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới vào sâu 50 mét. - Điểm đầu giáp đường MC-7 (đường cặp chợ) (GPS: 11.449485,106.029120). - Điểm cuối giáp đường TV-1 (ranh xã Trà Vong) (GPS: 11.443232,106.031014).
16	KDC Sân Bay, đường QL.22B	Ấp Sân Bay, xã Tân Phong	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ trụ sở UBND xã Tân Phong (GPS: 11.487723,106.019054). - Điểm cuối: đến trường THCS Tân Phong (GPS: 11.479197,106.021248).
17	KDC Tân Thanh, đường 783	Ấp Tân Thanh, xã Tân Bình	Đường 783, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: nhà bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt (thửa đất số 116, tờ bản đồ 29 (bản đồ 299) (GPS: 11.594125,105.988633). - Điểm cuối: Trường tiểu học Tân Bình, ấp Tân Thanh (11.587549,105.978420).
18	KDC Tân Minh - Tân Thanh, đường vòng cung Sân Bay	Ấp Tân Minh, Tân Thanh, xã Tân Bình	Đường vòng cung Sân Bay (VT-1), tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: nhà ông Trần Hữu Thư (thửa đất số 01, tờ bản đồ 42) (GPS: 11.596418,105.987791). - Điểm cuối: nhà ông Trần Văn Mến (thửa đất số 223, tờ bản đồ 45) (GPS: 11.593835,105.987024). Đường vòng cung Sân Bay (VT-2), tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: nhà bà Nguyễn Thị Kết (thửa đất số 197, tờ bản đồ 45) (GPS: 11.593065,105.987023). - Điểm cuối: nhà ông Ngô Nhật Tân (giáp thửa đất số 15, tờ bản đồ 50) (GPS: 11.589817,105.988448).
19	KDC Tân Hòa, đường QL.22B	Ấp Tân Hòa, Tân Tiến, xã Tân Lập	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 35 mét. - Điểm đầu: nhà thuốc Xuân Đới ấp Tân Hòa (GPS: 11.598681, 105.988940). - Điểm cuối: đội thuế liên xã cũ ấp Tân Tiến (GPS: 11.621126, 105.983652).
20	KDC Tân Hòa, chợ Tân Lập	Ấp Tân Hòa, xã Tân Lập	Khu vực bao quanh chợ Tân Lập, tính từ ranh giới chợ các bên, vô sâu 50 mét (GPSTT: 11.608142, 105.987813).
21	KDC Hòa Bình, đường Thạnh Tây - Hòa Hiệp, đường ĐT.788	Ấp Hòa Bình, xã Hòa Hiệp	Khu vực ngã 4 đèn xanh, đèn đỏ xã: Đường Thạnh Tây - Hòa Hiệp, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ nhà bà Lý Thị The, thửa đất số 103, tờ bản đồ số 26 chính quy (GPS: 11.489438,105.904566). - Điểm cuối: đến nhà ông Trần Văn Luông, thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26 chính quy

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Ấp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
			(GPS: 11.489249,105.901882) Đường ĐT.788, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: từ nhà bà Huỳnh Thị Chiến, thửa đất số 357, tờ bản đồ số 26 chính quy (GPS: 11.490186,105.902693) - Điểm cuối: nhà ông Đặng Văn Sang, thửa đất số 384, tờ bản đồ số 26 chính quy (GPS: 11.486592,105.903357).
22	KDC Thạnh An - Thạnh Phú - Thạnh Lợi - Thạnh Lộc - Thạnh Hòa, đường ĐT.795	Ấp Thạnh An, Thạnh Phú, Thạnh Lợi, Thạnh Lộc, Thạnh Hòa, xã Thạnh Bình	Đường ĐT.795, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 40 mét. - Điểm đầu: từ cổng 6 Lạc (GPS: 11.544765,106.029597). - Điểm cuối: đến Suối Ky (GPS: 11.552309,106.104421).
23	KDC Thạnh Hiệp, đường ĐT.793	Ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc	Đường ĐT.793, từ mốc lộ giới vào hướng Tây 30 mét, lộ giới 45mét, dài 542 mét - Điểm đầu: giáp đường nội đồng (vào đất bà Út - ông Đạt /nhà ông Nguyễn Văn Hồng) (GPS: 11.63678,106.11398). - Điểm cuối: nhà bà Liêu Thị Nhi (thửa đất số 633) (GPS: 11.64165,106.113891)
24	KDC Suối Mây, đường ĐT.797	Ấp Suối Mây, xã Thạnh Bắc	Đường ĐT.797 - ĐT.783, tính từ mốc lộ giới vào phía Tây 22,5 mét từ đường ĐT.797 về phía Bắc (lộ giới 45 mét), chiều dài 1.620 mét. - Điểm đầu: giáp phía Tây đường Thạnh Bình - Xóm Chàm/nhà ông Lê văn Sơn (thửa đất số 41, tờ bản đồ 63) (GPS: 11.61656,106.05582). - Điểm cuối: tại nhà bà Vũ Thị Thơm (thửa đất số 8, tờ bản đồ 60) (GPS: 11.61648,106.04091).
25	KDC Bàu Bền, đường ĐT.793	Ấp Bàu Bền, xã Thạnh Bắc	Đường ĐT.793 (lộ giới 45 mét), chiều dài 2.800 mét; tính từ mốc lộ giới sâu vào phía Tây 30 mét. - Điểm đầu: tại xăng Cây xăng 119 của bà Ngô Diễm Thi, thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 22 (GPS: 11.704752,106.112353). - Điểm cuối: tại nhà bà Lê Thị Hà, thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 18 (GPS: 11.697864,106.112548).
26	KDC Thạnh Tân, đường QL.22 B	Ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Tây	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: Nhà Văn hóa ấp Thạnh Tân (GPS: 11.587188,105.991320). - Điểm cuối: nhà nghi Phúc Hậu (GPS: 11.585282,105.991746).
27	KDC Thạnh Trung, đường QL.22B	Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tây	Đường QL.22B, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: cửa hàng xăng dầu 102 (GPS: 11.571047,105.994943). - Điểm cuối: ngã ba đường Thạnh Tây 8 (GPS: 11.565229,105.996244).

STT	Tên khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi (KDC)	Địa chỉ: Áp/khu phố, xã/ phường/thị trấn	Vị trí khu dân cư hiện hữu không được phép chăn nuôi
28	Áp Thạnh Sơn, đường ĐT.795	Áp Thạnh Sơn, xã Thạnh Tây	Toàn tuyến đường ĐT.795, tính từ mốc lộ giới mỗi bên, vô sâu 50 mét. - Điểm đầu: cây xăng Mười Thành (GPS: 11.544179,106.020746). - Điểm cuối: cổng 6 Lạc (GPS: 11.544736,106.029584).
Tổng: 168 KDC			

Ghi chú các chữ viết tắt:

- QL: là viết tắt đường Quốc lộ.
- ĐT: là viết tắt của đường tỉnh (tỉnh lộ).
- ĐH: là viết tắt của đường huyện (HL, huyện lộ).
- ĐX: là viết tắt của đường xã.
- LX: là viết tắt của đường liên xã.
- TV: là viết tắt của Trà Vong.
- MC: là viết tắt của Mỏ Công.
- TP: là viết tắt của Tân Phú.
- GPS: (Global Positioning System - hệ thống định vị toàn cầu).

Phụ lục II
DANH MỤC KHU DÂN CƯ TRONG QUY HOẠCH KHÔNG ĐƯỢC PHÉP
CHĂN NUÔI TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH
(Kèm theo Quyết định số 20 /2024/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại (KDCQH)	Vị trí khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại	Địa chỉ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
I	DƯƠNG MINH CHÂU: 01			
1	KDCQH - Vạn Phát Hưng	Điểm đầu: giáp đường Đất Sét - Bến Củi. Điểm cuối: tường rào Công ty Can Sport. Quy mô: 13.947,90 m ² .	Ấp Thuận Hoà, xã Truong Mít	Công văn số 343/UBND-KT ngày 03/02/2020 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội Khu dân cư Vạn Phát Hưng giai đoạn 1.
II	GÒ DẦU: 44			
1	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Bố trí tại trung tâm xã hiện hữu, hai bên QL22B; quy mô diện tích khoảng 65 ha.	Ấp Cẩm Thắng, xã Cẩm Giang	Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND huyện Gò Dầu về việc Phê duyệt đồ án xây dựng nông thôn mới xã Cẩm Giang.
2	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Bố trí khu dân cư dọc theo QL.22B; quy mô diện tích khoảng 47 ha.	Ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang	
3	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Bố trí khu dân cư dọc theo QL.22B; quy mô diện tích khoảng 46 ha.	Ấp Cẩm Bình, xã Cẩm Giang	
4	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Bố trí khu dân cư dọc theo đường Cẩm An - Láng Cát; quy mô Diện tích khoảng 58 ha.	Ấp Cẩm An, xã Cẩm Giang	
5	KDCQH - Dân cư sống phân tán	Theo các tuyến đường hiện hữu của xã; diện tích khoảng 30 ha.	Xã Cẩm Giang	
6	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Bố trí khu dân cư hai bên QL.22B; quy mô diện tích khoảng 144 ha	Ấp Trà Võ, Bông Trang, Bến Đình, xã Thạnh Đức	Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 28 /12 /2012 của UBND huyện Gò Dầu về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
7	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Diện tích khoảng 60 ha	Ấp Bông Trang, Bến Chờ, xã Thạnh Đức	
8	KDCQH - Tuyến dân cư số 3	Diện tích khoảng 42 ha	Ấp Bến Mương, đường Long, xã Thạnh Đức	

STT	Tên khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại (KDCQH)	Vị trí khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại	Địa chỉ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
9	KDCQH - Tuyến dân cư số 4	Diện tích khoảng 36 ha	Áp Rộc A, Rộc B, xã Thanh Đức	
10	KDCQH - Tuyến dân cư số 5	Diện tích khoảng 18 ha	Áp Bến Rộng, xã Thanh Đức	
11	KDCQH - Dân cư phân tán	Theo các tuyến đường hiện hữu của xã; diện tích khoảng 36 ha.	Xã Thanh Đức	
12	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Diện tích khoảng 85 ha.	Áp Chánh, xã Hiệp Thạnh	Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND huyện Gò Dầu về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Hiệp Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
13	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Diện tích khoảng 36 ha.	Áp Chánh, xã Hiệp Thạnh	
14	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Diện tích khoảng 36 ha.	Áp Đá Hàng, áp Giữa, xã Hiệp Thạnh	
15	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Diện tích khoảng 28 ha.	Áp Đá Hàng, xã Hiệp Thạnh	
16	KDCQH - Điểm dân cư số 5	Diện tích khoảng 30 ha.	Áp Xóm Bó, xã Hiệp Thạnh	
17	KDCQH - Điểm dân cư số 6	Diện tích khoảng 30 ha.	Áp Tâm Lành, xã Hiệp Thạnh	
18	KDCQH - Dân cư phân tán	Dọc theo các tuyến đường hiện hữu trên địa bàn xã.	Xã Hiệp Thành	
19	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Bố trí xung trung tâm xã hiện hữu và hai bên QL22B; diện tích khoảng 74 ha.	Áp Bầu Vừng, Cây Nính, xã Phước Trạch	Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 của UBND huyện Gò Dầu về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phước Trạch, huyện Gò Dầu.
20	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Bố trí dọc hai bên đường Cao Sơn Tự; diện tích khoảng 25 ha.	Áp Cây Nính, xã Phước Trạch	
21	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Diện tích khoảng 40 ha.	Áp Xóm Mía, xã Phước Trạch	
22	KDCQH - Dân cư phân tán	Dọc theo các tuyến đường hiện hữu trên địa bàn xã, diện tích khoảng 5 ha.	Xã Phước Trạch	
23	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Bố trí chủ yếu loại nhà phố kết hợp thương mại dịch vụ dọc đường ĐH Phước Thạnh - Bầu Đôn; diện tích khoảng 45 ha	Áp Phước Hội A và Phước Hội B, xã Phước Thạnh	Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND huyện Gò Dầu về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng Nông thôn mới xã Phước Thạnh,
24	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Bố trí chủ yếu loại nhà dọc theo đường ĐH Phước Trạch -	Áp Phước Tây và áp	

STT	Tên khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại (KDCQH)	Vị trí khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại	Địa chỉ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
		Hiệp Thạnh-Phước Thạnh, diện tích khoảng 22 ha.	Phước Bình A, xã Phước Thạnh	huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
25	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Diện tích khoảng 15 ha.	Áp Phước An, xã Phước Thạnh	
26	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Diện tích khoảng 10 ha.	Áp Phước Bình B, xã Phước Thạnh	
27	KDCQH - Điểm dân cư số 5	Diện tích khoảng 8 ha.	Áp Phước Hoà, xã Phước Thạnh	
28	KDCQH - Điểm dân cư số 6	Bố trí chủ yếu loại nhà phổ dọc theo đường ĐH Gò Dầu - Đơn Thuận, ĐH Phước Thạnh - Phước Đông; diện tích khoảng 42 ha.	Áp Phước Đông, xã Phước Thạnh	
29	KDCQH - Dân cư phân tán	Dọc theo các tuyến đường hiện hữu trên địa bàn xã, diện tích khoảng 5,6 ha.	Xã Phước Thạnh	
30	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Dọc 02 bên đường Quốc lộ 22 A; diện tích khoảng 160 ha.	Áp Trâm Vàng 1, Trâm Vàng 2, Trâm Vàng 3, xã Thanh Phước	Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND huyện Gò Dầu về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu
31	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Tại ngã giao giữa đường ĐT.782 và đường Cầu Sao; diện tích khoảng 50 ha.	Áp Xóm Đồng, xã Thanh Phước	
32	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Tại ngã giao giữa đường HL.1 và đường Pháo Bình; diện tích khoảng 35 ha.	Áp Xóm Mới 1, 2, xã Thanh Phước	
33	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Dọc 2 bên đường HL.1; diện tích khoảng 30 ha.	Áp Cây Xoài, xã Thanh Phước	
34	KDCQH - Điểm dân cư số 5	Phía Nam xã, đoạn giao giữa đường Hồ Chí Minh và QL.22; diện tích khoảng 30 ha.	Áp Rõng Tượng, xã Thanh Phước	
35	KDCQH - Dân cư sống phân tán	Dọc theo các tuyến đường hiện hữu trên địa bàn xã; diện tích khoảng 10 ha.	Xã Thanh Phước	
36	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Nằm tại ngã giao giữa đường ĐT.872 và HL1; diện tích khoảng 95 ha.	Áp Phước Đức A, xã Phước Đông	Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 23/12/2012 của UBND huyện Gò Dầu về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng NTM của xã Phước
37	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Đường ĐT.782; diện tích khoảng 68 ha.	Áp Phước Đức A, xã Phước Đông	

STT	Tên khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại (KDCQH)	Vị trí khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại	Địa chỉ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
38	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Đường HL1; diện tích khoảng 365 ha.	Áp Cây Trắc, xã Phước Đông	Đông, huyện Gò Dầu.
39	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Phía Nam xã và phía Tây đường ĐT.782; diện tích khoảng 20 ha.	Áp Suối Cao B, xã Phước Đông	
40	KDCQH - Dân cư phân bố phân tán	Dọc theo các tuyến đường hiện hữu trên địa bàn xã; diện tích khoảng 08 ha.	Xã Phước Đông	
41	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Trên tuyến đường ĐT.784 và ĐT.782; diện tích khoảng 86 ha.	Áp 1, 2, xã Bàu Đồn	
42	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Trên tuyến đường ĐT.782; diện tích khoảng 82 ha.	Áp 4,5 và 7, xã Bàu Đồn	Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 23/11/2012 của UBND huyện Gò Dầu về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu.
43	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Trên tuyến đường ĐT.782; diện tích khoảng 46 ha.	Áp 6, xã Bàu Đồn	
44	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Đường Bàu Đồn, Xóm Bó (Hiệp Thạnh); diện tích khoảng 32 ha.	Áp 3, xã Bàu Đồn	
III	CHÂU THÀNH: 09			
1	KDCQH - Điểm dân cư số 1 (Trung tâm xã)	Tại khu vực trung tâm xã hiện nay, phía Tây Bắc, thuộc ấp Thanh Sơn, Thanh Hùng và Thanh Phước, tiếp cận các tuyến giao thông chủ đạo qua địa bàn các xã như: QL.22B, ĐT.786, ĐH.10, ĐH.9; diện tích 150 ha.	Áp Thanh Sơn, Thanh Hùng và Thanh Phước xã Thanh Điền	Quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND huyện Châu Thành điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 của UBND huyện Châu Thành phê duyệt quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.
2	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Nằm ở phía Bắc, tiếp giáp 2 bên tuyến đường ĐT.786, kéo dài xuống QL.22B giáp phía Đông khu công nghiệp Thanh Điền; diện tích 50 ha.	Áp Thanh Thuận, xã Thanh Điền	
3	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Nằm ở phía Đông, thuộc ấp Thanh Trung, tiếp giáp tuyến đường ĐT.786 và tuyến kênh thủy lợi hiện hữu; diện tích 55 ha.	Áp Thanh Trung, xã Thanh Điền	
4	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Nằm ở phía Tây, thuộc ấp Thanh Hòa, tiếp cận tuyến đường hiện hữu nối sang xã An Bình; diện tích 35 ha.	Thanh Hòa, xã Thanh Điền	
5	KDCQH - Điểm dân cư số 5	Nằm ở phía Nam, giáp tuyến đường ĐT. 786 và giáp sông Vàm Cỏ Đông tại vị trí cầu Gò Chai hiện hữu; diện tích 30 ha.	Thanh Trung, xã Thanh Điền	
6	KDCQH - Điểm dân cư trung tâm xã	Tại khu vực phía Đông ấp Vịnh, dọc theo ĐT.788; diện tích 54 ha.	Áp Vịnh, xã An Cơ	
7	KDCQH - Điểm dân cư	Nằm trên trục đường ĐT.788, tại khu vực tiếp giáp với xã	Áp Sa Nghe, xã An Cơ	Quyết định số 2474/QĐ - UBND ngày 27/12/2012 của UBND huyện Châu Thành về việc phê duyệt Quy

STT	Tên khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại (KDCQH)	Vị trí khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại	Địa chỉ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
	tập trung số 1	Đồng Khởi; diện tích 34 ha.		hoạch xây dựng nông thôn mới xã An Cơ - huyện Châu Thành.
8	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 2	Khu vực phía Đông của khu vực trung tâm xã trên trên trục đường ĐT.788; diện tích 27 ha.	Ấp An Lộc, xã An Cơ	
9	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 3	Nằm trên đoạn giữa tuyến đường ĐH. 16, từ trung tâm xã đi ấp An Thọ, phía Bắc khu trung tâm; diện tích 16.5 ha.	Ấp An Thọ, xã An Cơ	
IV	TÂN BIÊN: 39			
1	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Nằm trên QL.22B chạy dọc ấp Thanh Hòa, ấp Dinh, ấp Một, ấp Gò Đá, ấp Thanh Tân; diện tích 82 ha.	Các ấp: Thanh Hòa, Dinh, Một, Gò Đá, Thanh Tân, xã Mỏ Công	Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 11/9/2017 của UBND huyện Tân Biên về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 600/QĐ-UBND ngày 29/5/2013 của UBND huyện về việc phê duyệt: Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Mỏ Công, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2015 và tầm nhìn đến 2020.
2	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Nằm tại ấp Thanh An, dọc bên đường DH Thạnh Tây - Thanh An; diện tích khoảng 18 ha.	Ấp Thanh An, xã Mỏ Công	
3	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Nằm ở ấp Thanh Xuân, phía Đông trung tâm xã, dọc kênh Tân Hưng và đường ĐT Bourbon; diện tích khoảng 8 ha.	Ấp Thanh Xuân, xã Mỏ Công	
4	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Nằm ở ấp Thanh Xuân, dọc đường ĐT Bourbon, ĐT.793; diện tích khoảng 10 ha.	Ấp Thanh Xuân, xã Mỏ Công	
5	KDCQH - Khu dân cư trung tâm xã	Nằm trên trục đường QL.22B, diện tích 81,88 ha.	Ấp Sân Bay, xã Tân Phong	
6	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 1	Khu vực trường tiểu học Tân Phong, phía Tây của QL.22B, diện tích 35,18 ha.	Ấp Cầu, xã Tân Phong	
7	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 2	Khu vực Trạm y tế xã, diện tích 32,7 ha.	Ấp Trại Bí, xã Tân Phong	
8	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 3	Khu vực giáp ranh xã Mỏ Công (đường QL.22B), diện tích 20,22 ha.	Ấp Mới, xã Tân Phong	
9	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 4	Khu vực đối diện KDC ấp Mới (đường QL.22B), diện tích 45,44 ha.	Ấp Xóm Tháp, xã Tân Phong	
10	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 5	Khu vực trường tiểu học Tân Phong tại Gò Cát (đường ĐH. Thạnh Bình - Gò Cát), diện tích 37,1 ha.	Ấp Gò Cát, xã Tân Phong	
11	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 6	Khu vực trường tiểu học Tân Phong tại Bàu Đung (đường ĐH. Thạnh Bình - Gò Cát), diện tích 24,74 ha.	Ấp Bàu Đung, xã Tân Phong	
12	KDCQH - Điểm dân cư	Khu vực trường tiểu học Tân Phong tại Đồng Dài, diện tích	Ấp Đồng Dài, xã	

STT	Tên khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại (KDCQH)	Vị trí khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại	Địa chỉ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
	tập trung số 7	17,88 ha.	Tân Phong	
13	KDCQH - Điểm dân cư 1	Khu trung tâm xã, diện tích 68 ha (giao nhau giữa quốc lộ 22B và đường tỉnh 783).	Áp Tân Thanh, xã Tân Bình	Quyết định 1982/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2019 của UBND huyện điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2013 của UBND huyện về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới (tên dự án: Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tân Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2015 và tầm nhìn đến 2020).
14	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Diện tích 80 ha (được mô tả theo bản đồ quy hoạch).	Áp Tân Minh, xã Tân Bình	
15	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Diện tích 130 ha (được mô tả theo bản đồ quy hoạch).	Áp Tân Thạnh, xã Tân Bình	
16	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Diện tích 62 ha (được mô tả theo bản đồ quy hoạch).	Áp Tân Nam, xã Tân Bình	
17	KDCQH - Khu trung tâm xã	Nằm trên trục quốc lộ 22B, cận phía Nam xã, diện tích 66,43 ha.	Áp Tân Hòa, xã Tân Lập	Quyết định số 3891/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện Tân Biên về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 14/6/2013 của UBND huyện về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Tên dự án: Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.
18	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 1	Nằm ở khu vực giáp ranh phía Đông khu trung tâm xã, diện tích 17,3 ha.	Áp Tân Đông 1, xã Tân Lập	
19	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 2	Nằm ở khu vực giáp ranh phía Nam khu trung tâm xã, diện tích 16 ha.	Áp Tân Đông 2, xã Tân Lập	
20	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 3	Nằm trên trục QL.22B ở khu vực giáp ranh phía Tây Bắc khu trung tâm xã, diện tích 27,65 ha.	Áp Tân Tiến, xã Tân Lập	
21	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 4	Nằm ở khu vực giáp biên giới Campuchia, khu vực dân cư Chàng Riệc, về phía Đông Bắc từ khu trung tâm xã, diện tích 81 ha.	Áp Tân Khai, xã Tân Lập	
22	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 5	Nằm ở khu vực giáp ranh phía Tây Nam khu quy hoạch đô thị cửa khẩu Xa Mát, nằm trên trục đường xã TL.14 từ ĐT.791 đi ra QL.22B, diện tích 18,79 ha.	Áp Tân Tiến, xã Tân Lập	
23	KDCQH - Điểm dân cư tập trung số 6	Nằm ở khu vực ngã ba đường QL.14C và ĐH. Nông Sản - Tân Lập, đường trạm 2 Lò Than, diện tích 28,25 ha.	Áp Tân Đông 1, xã Tân Lập	
24	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Khu trung tâm xã, diện tích 70 ha.	Áp Thạnh Lợi, xã Thạnh Bình	Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện Tân Biên về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày
25	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Giao lộ tỉnh lộ 795 và đường Thạnh Bình - Xóm Chàm, diện tích 60 ha.	Áp Thạnh An, Áp Thạnh Phú, xã Thạnh	

STT	Tên khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại (KDCQH)	Vị trí khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại	Địa chỉ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
			Bình	
26	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Phía đông xã Thạnh Bình, diện tích 30 ha.	Ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Bình	28/9/2012 của UBND huyện về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Tên dự án: Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thạnh Bình, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2015.
27	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Phía đông xã Thạnh Bình, trên tỉnh lộ 795, thuộc Ấp Thạnh Hòa, gần giao điểm tỉnh lộ 795 và tỉnh lộ 793, diện tích 30 ha.	Ấp Thạnh Hòa, xã Thạnh Bình	
28	KDCQH - Điểm dân cư số 5	Nằm giữa suối Tà Et, Suối Ky, gần trại giam Cây Cây, diện tích 50 ha.	Ấp Thạnh Phước, xã Thạnh Bình	
29	KDCQH - Điểm dân cư số 6	Gần trung tâm xã, tại giao lộ giữa tỉnh lộ 795 và đường Thạnh Bình - Cầu Xebe, diện tích 40 ha.	Ấp Thạnh Lộc, xã Thạnh Bình	
30	KDCQH - Điểm dân cư số 7	Giao đường ĐT.783 và đường Thạnh Bình - Xóm Chàm, diện tích 30 ha.	Ấp Thạnh Thọ, xã Thạnh Bình	
31	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Nằm dọc bên đường ĐT.797 (ĐT Thiện Ngôn - Tân Hiệp), diện tích 4,55 ha.	Ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc	
32	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Nằm dọc bên đường ĐT.797, diện tích 11,7 ha.	Ấp Suối Mây và ấp Bàu Rã, xã Thạnh Bắc	
33	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Nằm ở góc giao giữa đường ĐT.793 và đường ĐT.797 (ĐT Thiện Ngôn - Tân Hiệp), diện tích 10,4 ha.	Xã Thạnh Bắc	Quyết định số 3890/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND huyện Tân Biên về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 452/QĐ-UBND, ngày 25/4/2013 của UBND huyện về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới, Tên dự án: Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.
34	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Nằm phía Đông xã dọc ĐT.793, diện tích 20,8 ha.	Ấp Bàu Bền, xã Thạnh Bắc	
35	KDCQH - Điểm dân cư số 5	Nằm dọc theo ĐH. Thạnh Bình - Xóm Chàm - Suối Tà Bông ở phía Tây Nam của xã diện tích 6,5 ha	Ấp Suối Mây, xã Thạnh Bắc	
36	KDCQH - Điểm dân cư trung tâm xã	Nằm dọc theo tuyến QL.22B; diện tích 148 ha.	Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tây	
37	KDCQH - Điểm dân cư số 1	Nằm dọc theo tuyến QL.22B; diện tích 128 ha.	Ấp Thạnh Tân, xã Thạnh Tây	
38	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Dọc hai bên đường QL.22B và Đường DH Cần Đăng - Trảng Dông (mở rộng ra khoảng 100m dọc 2 bên đường); diện tích khoảng 78 ha.	Ấp Thạnh Tây, xã Thạnh Tây	Quyết định số 1990/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND huyện Tân Biên về việc Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Thạnh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035.
39	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Dọc theo đường ĐT.795C (mở rộng ra khoảng 50m từ lộ giới đường Thạnh Nam); diện tích 10,71 ha.	Ấp Thạnh Nam, xã Thạnh Tây	

STT	Tên khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại (KDCQH)	Vị trí khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại	Địa chỉ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
V	BẾN CẦU: 23			
1	KDCQH - Khu dân cư ấp Rừng Dầu	Diện tích khoảng 20 ha, trên nền tảng khu dân cư hiện có nằm dọc một bên tuyến đường TL.786, định hướng quy hoạch thành trung tâm xã.	Ấp Rừng Dầu, xã Tiên Thuận	Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Tiên Thuận.
2	KDCQH - Khu dân cư ấp Tân Lập	Diện tích khoảng 15 ha, trên nền tảng khu dân cư hiện có nằm dọc một bên tuyến đường TL.786, định hướng quy hoạch thành trung tâm xã.	Ấp Tân Lập, xã Tiên Thuận	
3	KDCQH - Khu dân cư ấp Xóm Lò	Diện tích khoảng 25 ha, trên nền tảng khu dân cư hiện có nằm dọc theo tuyến đường trục xã TT5.	Ấp Xóm Lò, xã Tiên Thuận	
4	KDCQH - Khu dân cư ấp Bàu Tràm Lớn	Diện tích khoảng 35 ha, trên nền tảng khu dân cư hiện có nằm dọc theo tuyến đường huyện Tân Lập - Bàu Tràm (đường H-BC14).	Ấp Bàu Tràm Lớn, xã Tiên Thuận	
5	KDCQH - Khu dân cư ấp Bàu Tép	Diện tích khoảng 30 ha.	Ấp Bàu Tép, xã Tiên Thuận	
6	KDCQH - Khu dân cư ấp A	Diện tích khoảng 20 ha.	Ấp A, xã Tiên Thuận	
7	KDCQH - Khu dân cư ấp B	Diện tích khoảng 25 ha, trên nền tảng khu dân cư hiện có nằm dọc một bên tuyến đường huyện QH mới H-BC-02.	Ấp B, xã Tiên Thuận	
8	KDCQH - Khu dân cư ấp Long Hòa	Diện tích khoảng 15 ha, trên nền tảng khu dân cư hiện có nằm dọc theo tuyến đường TL.786, định hướng quy hoạch thành trung tâm xã.	Ấp Long Hòa, xã Long Thuận	Quyết định số 3605/QĐ-UBND ngày 17/12/2012 của UBND huyện Bến Cầu về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới xã Long Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.
9	KDCQH - Khu dân cư ấp Long Phi	Diện tích khoảng 15 ha, trên nền tảng khu dân cư hiện có nằm dọc theo tuyến đường TL.786, định hướng quy hoạch thành trung tâm xã.	Ấp Long Phi, xã Long Thuận	
10	KDCQH - Khu dân cư ấp Long An	Diện tích khoảng 30 ha, trên nền tảng khu dân cư hiện có nằm dọc theo tuyến đường Huyện Long An (đường H-BC-13).	Ấp Long An, xã Long Thuận	
11	KDCQH - Khu dân cư ấp Ngã Tắc	Diện tích khoảng 25 ha, trên nền tảng khu dân cư hiện có nằm dọc theo tuyến đường huyện Long Hòa - Long Hưng (đường H-BC-12).	Ấp Ngã Tắc, xã Long Thuận	
12	KDCQH - Khu dân cư ấp Long Hưng	Diện tích khoảng 20 ha, trên nền tảng khu dân cư hiện có giới hạn bởi các tuyến đường huyện Long Hòa - Long Hưng	Ấp Long Hưng, xã Long Thuận	

STT	Tên khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại (KDCQH)	Vị trí khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại	Địa chỉ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
		(đường H-BC-12), Đ.LgT 19, Đ.LgT 32, Đ.LgT 40.		
13	KDCQH - Khu dân cư tuyến Biên giới	Từ ngã tư Long Hưng, dọc theo tuyến đường trục xã (LgT1) tại ngã tư LgT1 và huyện Long Hòa - Long Hưng, thuộc ấp Long Hưng dự kiến diện tích khoảng 10 ha.	Ấp Long Hưng, xã Long Thuận	Quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 07/04/2023 của UBND huyện Bến Cầu án quy hoạch chung xây dựng phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/500 xã Long Giang, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035.
14	KDCQH - Điểm dân cư số 1 (Trung tâm xã)	Các tuyến đường quy hoạch mới kết nối đường QL.14C và khu trung tâm xã; diện tích 34,56 ha.	Ấp Xóm Khách, xã Long Giang	
15	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Các tuyến đường giao thông nội bộ kết nối đường QL.14C; diện tích 14,95 ha.	Ấp Bào, xã Long Giang	
16	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Lấy trục đường QL.14C làm trục chủ đạo; diện tích 18,32 ha.	Ấp Cao Su, xã Long Giang	
17	KDCQH - Điểm dân cư số 4 ấp Long Tân	Đường QL.14C và đường Long Giang, Long Phước làm hướng kết nối chính; diện tích.	Ấp Long Tân, xã Long Giang	
18	KDCQH - Điểm dân cư số 1 (trung tâm xã)	Các tuyến đường quy hoạch kết nối đường ĐT.786, đường huyện ĐH.BC-16 và khu trung tâm, tổng quy mô diện tích đất dành cho trung tâm xã và điểm dân cư số 1 là 33,54 ha.	Ấp Long Hoà, xã Long Chũ	
19	KDCQH - Điểm dân cư số 2	Dọc trên tuyến đường liên xã hiện hữu, có trường tiểu học Long Chũ B, có quy mô diện tích là 15,96 ha.	Ấp Long Hoà 2, xã Long Chũ	
20	KDCQH - Điểm dân cư số 3	Lấy trục đường ĐT.786 làm trục chủ đạo, bố trí 1 trường tiểu học với tổng quy mô diện tích điểm dân cư là 19,47 ha	Ấp Long Giao, xã Long Chũ	Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 07/04/2023 của UBND huyện Bến Cầu án quy hoạch chung xây dựng phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/500 xã Long Chũ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035.
21	KDCQH - Điểm dân cư số 4	Lấy trục giao thông ĐT.786 tiếp cận khu dân cư ở hướng Tây, có quy mô diện tích 13 ha.	Ấp Long Thạnh, xã Long Chũ	
22	KDCQH - Điểm dân cư số 5	Lấy trục đường Quốc lộ 14C làm trục chủ đạo, bố trí 1 trường tiểu học với tổng quy mô diện tích điểm dân cư là 14,83 ha.	Ấp Long Bình, xã Long Chũ	
23	KDCQH - Cụm dân cư Phước Tây	Diện tích xây dựng là 24.349 m2 trong phạm vi bán kính 300m so với Cụm dân cư Phước Tây.	Ấp Phước Tây, xã Long Phước	

STT	Tên khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại (KDCQH)	Vị trí khu dân cư trong quy hoạch không được phép chăn nuôi trang trại	Địa chỉ	Văn bản của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt
VI	Tân Châu: 05			
1	KDCQH - Khu dân cư số 1	Nằm trên trục đường ĐT.793; quy mô diện tích khoảng 33 ha.	Ấp Tân Lâm, xã Tân Hà	Quyết định số 4709/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện Tân Châu phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đến năm 2035.
2	KDCQH - Khu dân cư số 2	Nằm trên trục đường ĐT.785B; quy mô diện tích khoảng 20 ha.	Ấp Tân Lâm, xã Tân Hà	
3	KDCQH - Khu dân cư số 3	Nằm trên trục đường ĐH.822; quy mô diện tích khoảng 52 ha.	Ấp Tân Lâm, xã Tân Hà	
4	KDCQH - Khu dân cư số 4	Nằm trên ngã ba đường QL.14C và đường ĐT.792, không gian được giới hạn phía Bắc giáp ranh giới Campuchia; quy mô diện tích khoảng 125 ha.	Ấp Tân Cường, xã Tân Hà	
5	KDCQH - Khu dân cư số 5	Nằm trên ngã tư đường QL.14C và đường ĐT.785C. Không gian được giới hạn phía Nam bởi suối Nước Đục và kênh KT7; quy mô diện tích khoảng 280 ha.	Ấp Tân Trung, Tân Dũng Tân Kiên (Khu dân cư trung tâm) xã Tân Hà	
	Tổng cộng: 121 KDCQH			

Ghi chú các chữ viết tắt:

- QL: là viết tắt đường Quốc lộ.
- ĐT: là viết tắt của đường tỉnh (tỉnh lộ).
- ĐH: là viết tắt của đường huyện (HL, huyện lộ).